

TỔNG CÔNG TY IDICO
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Số/No: 90/CT-VPTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Bình Phước, ngày 25 tháng 4 năm 2024

Binh Phuoc, April 25th, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code:* ISH.

- Địa chỉ/Address: Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 0271.3731400 - 0271.3731092.

Fax: 0271.3731092.

- E-mail: idicoshp.vpth@gmail.com

Website: www.idico-shp.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure: Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/4/2024 tại đường dẫn www.idico-shp.com.vn/This information was published on the company's website on .../.../... (date), as in the link

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Đại diện tổ chức/Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/Legal representative

Nơi nhận: *Tak*

- Như trên;

- Website Công ty;

- Lưu VPTH.



Nguyễn Thanh Hoài
Nguyễn Thanh Hoài
Giám đốc/Director

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Bình Phước, ngày 24 tháng 4 năm 2024

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 3800407449 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/02/2008, thay đổi lần thứ 7 ngày 09/12/2021;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008, sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021,

Hôm nay, ngày 24 tháng 4 năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO triệu tập Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

I. Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO (IDICO-SHP)

Mã chứng khoán: ISH

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Mã số doanh nghiệp: 3800407449 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/02/2008, thay đổi lần thứ 7 ngày 09/12/2021.

II. Thời gian bắt đầu phiên họp: 09h00' ngày 24/4/2024.

III. Địa điểm, hình thức tổ chức Đại hội:

- Địa điểm: Tại Hội trường Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước).

- Hình thức: Đại hội trực tiếp.

IV. Thành phần tham dự:

1. Cổ đông của Công ty và Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 25/3/2024).

2. Hội đồng quản trị Công ty.

3. Ban kiểm soát Công ty.

4. Ban Giám đốc Công ty.



5. Các khách mời tham dự Đại hội.

V. Điều kiện tiến hành Đại hội:

Ông Bùi Việt Phương - Tổ trưởng Tổ tổng hợp danh sách cổ đông báo cáo tình hình cổ đông tham dự Đại hội:

- Tổng số Cổ đông của Công ty chốt ngày 25/3/2024: 369 Cổ đông.

- Tổng số cổ phần của Công ty: 45.000.000 Cổ phần.

- Số lượng Cổ đông, đại diện Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội là 37 Cổ đông, đại diện cho 38.817.523 cổ phần, chiếm 86,261% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (45.000.000 cổ phần).

(Phụ lục Danh sách Cổ đông, đại diện cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 kèm theo).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đủ điều kiện để tiến hành.

VI. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Tổ giúp việc tại Đại hội:

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Tổ giúp việc tại Đại hội đã được Đại hội đồng Cổ đông giới thiệu và thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết, cụ thể như sau:

1. Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch:

- Ông **Nguyễn Văn Thịnh** : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa Đại hội;
- Ông **Nguyễn Thanh Hoài** : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- Ông **Nguyễn Phong Danh** : Thành viên Hội đồng quản trị.

Nhân sự Đoàn Chủ tịch đã được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

2. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký:

- Bà **Vũ Thị Thúy** : Kế toán trưởng kiêm Thư ký Công ty;
- Ông **Nguyễn Văn Thế Bảo** : Trợ lý Hội đồng quản trị.

Nhân sự Ban Thư ký đã được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

3. Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu:

- Bà **Nguyễn Thùy Linh** : Chánh văn phòng - Trưởng ban;
- Bà **Trần Thị Mai** : Phó phòng Tài chính kế toán - Thành viên;
- Bà **Phạm Thị Trang Ngọc** : Chuyên viên Phòng KHKT - Thành viên.

Nhân sự Ban kiểm phiếu đã được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

VII. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và thảo luận tại cuộc họp:

1. Ông Nguyễn Văn Thịnh - Chủ tọa phát biểu khai mạc Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

380/
C
C
TH
:ROK
II
MIEN

2. Ông Nguyễn Phong Danh - Thay mặt Đoàn chủ tịch trình bày Chương trình làm việc của Đại hội và Quy chế làm việc (có chương trình làm việc của Đại hội và Quy chế làm việc đính kèm).

2.1. Thông qua chương trình làm việc của Đại hội: Đại hội đồng Cổ đông đã nhất trí thông qua Nội dung Chương trình Đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội, gồm:

- Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023 và kế hoạch năm 2024;

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024;

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024;

- Thông qua các Tờ trình:

+ Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;

+ Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024;

+ Tờ trình thông qua tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024;

+ Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;

+ Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

+ Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty;

+ Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

+ Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

+ Tờ trình Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023-2028;

+ Tờ trình Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028;

- Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028.

2.2. Thông qua Quy chế làm việc: Đại hội đồng Cổ đông đã nhất trí thông qua Quy chế làm việc của Đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

3. Ông Nguyễn Thanh Hoài - Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023 và kế hoạch năm 2024 (báo cáo kèm theo).

4. Ông Nguyễn Văn Thịnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024 (báo cáo kèm theo).

5. Ông Vũ Tuấn Anh - Thành viên Ban kiểm soát (BKS) trình bày Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024 (báo cáo kèm theo).

6. Ông Nguyễn Phong Danh - Thay mặt Hội đồng quản trị trình bày các Tờ trình xin biểu quyết của Đại hội:

407
CÔNG TY
PHẦN
/ ĐIỆ
TU MI
ICO
T.BIN

- Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán (Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024 và báo cáo tài chính kèm theo).

- Tờ trình Phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024 (Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024 kèm theo).

- Tờ trình Thông qua Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024 (Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024 kèm theo).

- Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024 và dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung kèm theo).

- Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty (Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024 và dự thảo Quy chế sửa đổi, bổ sung kèm theo).

- Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT (Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024 và dự thảo Quy chế sửa đổi, bổ sung kèm theo).

7. Ông Vũ Tuấn Anh - Thay mặt Ban kiểm soát trình bày các Tờ trình của Ban kiểm soát xin biểu quyết của Đại hội:

- Tờ trình Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 (Tờ trình số 10/TTr-BKS ngày 03/4/2024).

- Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS (Tờ trình số 14/TTr-BKS ngày 03/4/2024 và dự thảo Quy chế sửa đổi, bổ sung kèm theo).

8. Bà Trần Thùy Giang - Thay mặt Hội đồng quản trị trình bày các nội dung về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028:

- Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 (Tờ trình số 15/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024);

- Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung;

- Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 (Tờ trình số 16/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024);

- Danh sách ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung;

- Quy chế bầu cử.

9. Thông qua Quy chế bầu cử: Đại hội đồng Cổ đông đã nhất trí thông qua Quy chế bầu cử bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

10. Thảo luận tại Đại hội:

Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các báo cáo và tờ trình tại Đại hội. Các ý kiến của Cổ đông đã được Đoàn chủ tịch tiếp thu, giải thích, làm rõ và thống nhất ngay tại Đại hội.

VIII. Các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông:

Sau khi xem xét các nội dung tại Đại hội và thảo luận các vấn đề liên quan, trên cơ sở kết quả kiểm phiếu biểu quyết của Đại hội về các nội dung bằng hình thức đánh dấu vào ô

19.0
NG
1 PHỤ LỤC

tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023 và kế hoạch năm 2024 do Giám đốc Công ty trình bày trước Đại hội, gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % TH năm 2023 so với	
					KH 2023	cùng kỳ 2022
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	235	254	108%	90%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	772.000	849.056	110%	100%
3	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	208.783	234.236	112%	88%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	96.692	116.462	120%	82%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	77.279	93.079	120%	82%
6	Nghĩa vụ Ngân sách nhà nước	Tr.đồng	65.452	71.685	110%	88%
7	Giá trị đầu tư phát triển	Tr.đồng	-	-		

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ % KH2024/TH2023	Tỷ lệ % KH2024/KH2023
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	235	254	240	94%	102%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	772.000	849.056	787.440	93%	102%
3	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	208.783	234.236	208.956	89%	100%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	96.692	116.462	95.854	82%	99%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	77.279	93.079	77.454	83%	100%
6	Nghĩa vụ Ngân sách nhà nước	Tr.đồng	65.452	71.685	66.621	93%	102%

Phân biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	38.817.523 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
-----------------	-----------	---

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2023, kế hoạch hoạt động năm 2024:

Phân biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024:

Phân biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán theo nội dung Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024:

Phân biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.



5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024 theo nội dung Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024, cụ thể như sau:

Nội dung	Số tiền (ĐVT: đồng)
5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối :	161.802.727.790
+ Năm 2022 chuyển sang:	68.723.927.225
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST) năm 2023:	93.078.800.565
- Chia cổ tức bằng tiền (20% Vốn điều lệ):	90.000.000.000
+ Chia cổ tức 20% Vốn điều lệ:	90.000.000.000
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2%/LNST năm 2023):	1.860.000.000
- Trích Quỹ thưởng Ban quản lý:	639.000.000
+ Chi thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:	639.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối còn lại:	69.303.727.790
5.2. Kế hoạch năm 2024	
a) Kế hoạch SXKD năm 2024	
- Tổng doanh thu	208.956.000.000
- Lợi nhuận trước thuế	95.854.000.000
- Lợi nhuận sau thuế	77.454.000.000
b) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	02%/LNST năm 2024
- Chia cổ tức bằng tiền:	20%/Vốn điều lệ

Phân biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

6. Thông qua tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024 theo nội dung Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024:

Phân biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
-----------	---------------------------	---

Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

7. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO theo nội dung Tờ trình số 10/TTr-BKS ngày 03/4/2024:

Phần biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

8. Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO theo nội dung Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024:

Phần biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

9. Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty theo nội dung Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024:

Phần biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
-----------------	-----------	---

10. Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024:

Phân biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

11. Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo nội dung Tờ trình số 14/TTr-BKS ngày 03/4/2024:

Phân biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

12. Thông qua việc Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 theo nội dung Tờ trình số 15/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024:

- Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 đối với:

+ Ông Nguyễn Thanh Hoài.

- Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028:

+ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 01 thành viên.

Phân biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
-----------	---------------------------	---

40
/G
PH
/DI
/CC
/B

Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

13. Thông qua Danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023-2028:

- Danh sách bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 gồm:
- + Ông Nguyễn Quốc Việt.

Phân biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

14. Thông qua việc Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 theo nội dung Tờ trình số 16/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024:

- Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 đối với:
- + Ông Nguyễn Đăng Thanh.
- Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028:
- + Số lượng thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung: 01 thành viên.

Phân biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	<u>38.817.523</u> Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

15. Thông qua Danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028:

- Danh sách bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 gồm:

+ Ông Đoàn Hữu Nghĩa.

Phản biểu quyết:

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: 38.817.523 cổ phần, trong đó:

Tán thành	38.817.523 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 100%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không tán thành	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
Không có ý kiến	0 Cổ phần	Đạt tỷ lệ 0%/ Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

16. Thông qua Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028:

16.1. Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028:

Đại hội đã thống nhất bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị gồm 01 thành viên, kết quả thành viên trúng cử như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % Số phiếu bầu/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
1	Ông Nguyễn Quốc Việt	38.817.523 phiếu	100%

16.2. Kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028:

Đại hội đã thống nhất bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát gồm 01 thành viên, kết quả thành viên trúng cử như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % Số phiếu bầu/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội
1	Ông Đoàn Hữu Nghĩa	38.817.523 phiếu	100%

16.3. Ban kiểm soát đã họp bầu Trưởng Ban kiểm soát:

- Trưởng ban kiểm soát : Ông Đoàn Hữu Nghĩa.

Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản, Nghị quyết và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị chỉ đạo và quyết định tất cả các vấn đề phát sinh liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO kết thúc vào hồi 12 giờ 15 phút cùng ngày.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được công bố toàn văn trên website của Công ty (www.idico-shp.com.vn) để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.

THƯ KÝ

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

1. Bà Vũ Thị Thúy:

2. Ông Nguyễn Văn Thế Bảo:



Nguyễn Văn Thịnh

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ngày 24/4/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung các Báo cáo và Tờ trình được trình bày tại Đại hội, gồm:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Ban Giám đốc Công ty, gồm các nội dung chủ yếu sau:

1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % TH năm 2023 so với	
					KH 2023	cùng kỳ 2022
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	235	254	108%	90%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	772.000	849.056	110%	100%
3	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	208.783	234.236	112%	88%

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % TH năm 2023 so với	
					KH 2023	cùng kỳ 2022
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	96.692	116.462	120%	82%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	77.279	93.079	120%	82%
6	Nghĩa vụ Ngân sách nhà nước	Tr.đồng	65.452	71.685	110%	88%
7	Giá trị đầu tư phát triển	Tr.đồng	-	-		

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ % KH2024/TH2023	Tỷ lệ % KH2024/KH2023
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	235	254	240	94%	102%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	772.000	849.056	787.440	93%	102%
3	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	208.783	234.236	208.956	89%	100%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	96.692	116.462	95.854	82%	99%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	77.279	93.079	77.454	83%	100%
6	Nghĩa vụ Ngân sách nhà nước	Tr.đồng	65.452	71.685	66.621	93%	102%

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.

3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

5. Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024:

Nội dung	Số tiền (ĐVT: đồng)
5.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối :	161.802.727.790
+ Năm 2022 chuyển sang:	68.723.927.225
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST) năm 2023:	93.078.800.565
- Chia cổ tức bằng tiền (20% Vốn điều lệ):	90.000.000.000
+ Chia cổ tức 20% Vốn điều lệ:	90.000.000.000

Nội dung	Số tiền (ĐVT: đồng)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2%/LNST năm 2023):	1.860.000.000
- Trích Quỹ thưởng Ban quản lý:	639.000.000
+ Chi thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:	639.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối còn lại:	69.303.727.790
5.2. Kế hoạch năm 2024	
a) Kế hoạch SXKD năm 2024	
- Tổng doanh thu	208.956.000.000
- Lợi nhuận trước thuế	95.854.000.000
- Lợi nhuận sau thuế	77.454.000.000
b) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	02%/LNST năm 2024
- Chia cổ tức bằng tiền:	20%/Vốn điều lệ

6. Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024:

6.1. Tổng mức chi thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2023 là 598.000.000 đồng:

Trong đó: - Hội đồng quản trị: 429.000.000 đồng.
- Ban kiểm soát: 169.000.000 đồng.

6.2. Kế hoạch Tổng mức chi thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2024 là: 1.211.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị Công ty là: 862.000.000 đồng. Mức thù lao từng thành viên do Hội đồng quản trị Công ty quyết định theo nguyên tắc nhất trí.

- Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Ban kiểm soát Công ty là: 349.000.000 đồng.

7. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty như sau:

- Công ty kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách các Tổ chức kiểm toán được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024 tại Quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 20/11/2023 của Bộ Tài chính; không có xung đột lợi ích; có uy tín về chất lượng

3.800
CỘ
CỔ
THỦ
OK PI
ID
NG

kiểm toán; có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

- Giao cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong sáu công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, cụ thể như sau:

+ **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (Mã số DN: 0101917917)**

Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ **Công ty TNHH PWC (Việt Nam) (Mã số DN: 0100157406)**

Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

+ **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (Mã số DN: 0300811802)**

Địa chỉ: Số 2, Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

+ **Công ty TNHH KPMG (Mã số DN: 0100112042)**

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ **Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam (Mã số DN: 0100112500)**

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (Mã số DN: 0300449815)**

Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

8. Thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO sửa đổi, bổ sung như đính kèm.

- Điều lệ sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Quy chế quản trị”) sửa đổi, bổ sung như đính kèm.

- Quy chế quản trị sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế quản trị hiện hành.

10. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (“Quy chế HĐQT”) Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO sửa đổi, bổ sung như đính kèm.

- Quy chế HĐQT sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế HĐQT hiện hành.

107
CÔNG TY
HẠN
DIỆN
MIẾ
XO
BÌNH

11. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (“Quy chế BKS”) Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO sửa đổi, bổ sung như đính kèm.

- Quy chế BKS sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế BKS hiện hành.

Điều 2. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023-2028, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 đối với:

- Ông Nguyễn Thanh Hoài.

Việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Thanh Hoài có hiệu lực kể từ ngày hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm này.

2. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023-2028, cụ thể như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Quốc Việt.

- Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 có hiệu lực kể từ ngày hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung này.

Điều 3. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với:

- Ông Nguyễn Đăng Thanh.

Việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Đăng Thanh có hiệu lực kể từ ngày hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm này.

2. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028, cụ thể như sau:

- Thành viên Ban kiểm soát:

Ông Đoàn Hữu Nghĩa.

- Kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 có hiệu lực kể từ ngày hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung này.

3. Kết quả bầu Trưởng Ban kiểm soát:

+ Trưởng ban kiểm soát : Ông Đoàn Hữu Nghĩa.

49-0-
NG
PHUK

Điều 4. Điều khoản thi hành:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO giao Hội đồng quản trị Công ty triển khai, giám sát Ban điều hành thực hiện các nội dung của Nghị quyết nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông, doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật.

Nghị quyết này gồm 06 trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 24/4/2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (Website Công ty);
- UBCKNN;
- SGDCK Hà Nội;
- HDQT, BKS;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Văn Thịnh

Bình Phước, ngày 03 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH,
ĐẦU TƯ NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

Kính gửi: Quý Cổ đông

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (IDICO-SHP) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động và thực hiện nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh (SXKD), đầu tư năm 2023 và kế hoạch năm 2024, cụ thể như sau:

PHẦN I

Kết quả hoạt động SXKD và đầu tư năm 2023

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ % TH năm 2023 so với	
					KH 2023	cùng kỳ 2022
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	235	254	108%	90%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	772.000	849.056	110%	100%
3	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	208.783	234.236	112%	88%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	96.692	116.462	120%	82%
5	Thuế TNDN	Tr.đồng	19.413	23.383	120%	80%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	77.279	93.079	120%	82%
7	Nghĩa vụ Ngân sách nhà nước	Tr.đồng	65.452	71.685	110%	88%
8	Tổng nợ phải trả	Tr.đồng	40.837	56.079		
9	Tổng nợ phải thu	Tr.đồng	32.085	63.689		
10	Giá trị đầu tư phát triển	Tr.đồng	-	-		

Cụ thể:

*** Về sản xuất kinh doanh điện năng:**

Các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch đề ra nhưng giảm hơn so với cùng kỳ năm 2022:

- Sản lượng điện đạt 254 Tr.kWh, đạt 108% kế hoạch năm, giảm 10% so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu điện là 223.717 triệu đồng, đạt 112% kế hoạch năm và giảm 13% so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận trước thuế là 112.852 triệu đồng, đạt 120% kế hoạch năm, giảm 19% so với cùng kỳ năm trước.

*** Về sản xuất kinh doanh nước sạch:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch của Công ty tiếp tục ổn định và đạt hiệu quả, cụ thể như sau:

- Sản lượng nước sạch đạt 849.056 m³, đạt 110% kế hoạch năm, bằng so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu nước sạch đạt 9.314 triệu đồng, đạt 112% kế hoạch năm, bằng so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 3.297 triệu đồng, đạt 148% kế hoạch năm, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước.

2. Công tác tài chính:

- Tình hình công nợ tại thời điểm 31/12/2023:

+ Tổng nợ phải thu là 63.689 triệu đồng:

Chủ yếu là các khoản phải thu khách hàng đối với tiền điện, tiền nước sạch chưa đến kỳ thanh toán và một phần tiền điện từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023 EPTC đang tạm giữ lại (*tại thời điểm báo cáo, EPTC đã thanh toán khoản tiền điện còn lại từ tháng 01/2023 đến tháng 05/2023*). IDICO-SHP luôn thường xuyên theo dõi thu hồi công nợ.

+ Tổng nợ phải trả là 56.079 triệu đồng:

(*chủ yếu là khoản phải trả Ngân hàng Vietcombank Bình Phước, Ngân hàng Vietinbank Bình Phước, nộp NSNN, có tức*).

+ Các khoản công nợ đều được đối chiếu, kiểm tra cụ thể, rõ ràng nên hiện tại IDICO-SHP không có công nợ phải thu khó đòi và nợ mất khả năng thanh toán.

- Công ty đã thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ, huy động vốn, chủ động lập kế hoạch dòng tiền nên cơ bản đảm bảo cân đối đủ dòng tiền trả nợ ngân hàng, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và phục vụ SXKD. Đây là sự cố gắng, nỗ lực rất lớn của Ban điều hành và CBNV trong Công ty.

- Trong năm 2023, IDICO-SHP đã chủ động vay vốn lưu động Ngân hàng địa phương với lãi suất hợp lý để chi trả các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo dòng tiền không bị thiếu hụt, đặc biệt trong các tháng mùa khô.

3. Công tác tổ chức lao động:

- Tính đến ngày 31/12/2023, tổng số lao động là 64 người (*gồm 49 nam, 15 nữ*), cụ thể:

+ Lao động gián tiếp : 19 người.

+ Lao động trực tiếp : 45 người.

- Số lượng nhân sự hiện đáp ứng nhu cầu công việc của Công ty.

4. Công tác đầu tư:

Công ty đang tiếp tục khảo sát, nghiên cứu hiệu quả đầu tư các dự án cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước để trình Hội đồng quản trị xem xét đầu tư.

5. Công tác khác:

- Công ty đã thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, trang bị đầy đủ dụng cụ kỹ thuật an toàn, thiết bị phòng cháy chữa cháy, đồ bảo hộ lao động, thực hiện tốt công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy.

- Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, công tác đảm bảo an toàn đập, công tác phòng cháy chữa cháy, công tác điều tiết hồ chứa: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, Thỏa ước lao động tập thể và giải quyết kịp thời những kiến nghị của Người lao động.

- Công ty luôn nộp đầy đủ số tiền BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, thanh toán đầy đủ chế độ khác theo quy định... và luôn chú trọng nâng cao đời sống của CBNV.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp NSNN theo quy định.

6. Thuận lợi và khó khăn:

* Thuận lợi:

- Lưu lượng nước về hồ Srok Phu Miêng từ tháng 7/2023 tương đối nhiều, lượng mưa tương đối đều.

- Công tác điều tiết hồ chứa hợp lý, tăng cường chạy máy giờ cao điểm nhằm tăng doanh thu bán điện, giá bán điện bình quân (*chưa bao gồm thuế phí*) trong năm 2023 là 738 đồng/kWh, tăng 15% so với giá bán điện bình quân theo Hợp đồng mua bán điện đã ký (738/643,08 đồng/kWh).

- Giá điện thị trường tương đối cao làm gia tăng doanh thu phần sản lượng điện tham gia thị trường điện năm 2023 là 14,8 tỷ đồng so với đơn giá Hợp đồng.

- Có sự đoàn kết, nhất trí cao trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành và CBNV Công ty về định hướng, mục tiêu SXKD của đơn vị tạo thành một sức mạnh tập thể, khắc phục khó khăn để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

- Ban điều hành tiếp tục chủ động kiểm soát và tiết giảm chi phí SXKD, tăng cường chạy máy giờ cao điểm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ kịp thời của các cổ đông lớn (*Tổng công ty IDICO, Công ty TNHH Năng lượng REE*) trong quá trình triển khai các mặt hoạt động.

- Mối quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa Công ty với các đối tác khác hàng: Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia (A0), Công ty Mua bán điện (EPTC), NM xi măng Bình Phước nên hồ sơ thanh toán tiền điện, tiền nước sạch thuận lợi và kịp thời.

- Đội ngũ CBNV có trình độ, có năng lực, có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, không ngừng học hỏi và quyết tâm khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đội ngũ kỹ thuật của Công ty luôn đảm bảo có mặt 24/24 để xử lý các tình huống sự cố hoặc hư hỏng có thể xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất số giờ ngừng máy do sự cố.

* Khó khăn:

- Do hệ thống điện dư nguồn nên một số ngày các tổ máy không được huy động vào giờ cao điểm đã ảnh hưởng đến giá bán điện.

- Nhà máy điện gặp sự cố gãy pittong điều khiển cánh xoay turbine thủy lực tổ máy H2 làm gián đoạn thời gian chạy máy 17 ngày nên ảnh hưởng một phần đến kết quả sản xuất kinh doanh.

- Việc thanh toán tiền điện hàng tháng chậm hơn so với các năm trước, một phần doanh thu tiền điện từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023 chưa được thanh toán trong năm 2023 do EVN gặp khó khăn về tài chính.

- Năm 2023 công ty vẫn thiếu hụt dòng tiền nên phải trả chậm tiền cổ tức năm 2022 đến tháng 12/2023.

3048
CÔNG
SỐ PH
TỬY Đ
PHU
IDICO
G-T.B

PHẦN II

Triển khai nhiệm vụ kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2024

1. Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ % KH2024/TH2023	Tỷ lệ % KH2024/KH2023
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	235	254	240	94%	102%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	772.000	849.056	787.440	93%	102%
3	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	208.783	234.236	208.956	89%	100%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	96.692	116.462	95.854	82%	99%
5	Thuế TNDN	Tr.đồng	19.413	23.383	18.400	79%	95%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	77.279	93.079	77.454	83%	100%
7	Nghĩa vụ Ngân sách nhà nước	Tr.đồng	65.452	71.685	66.621	93%	102%

2. Công tác đầu tư:

- Về việc mở rộng, nâng công suất Nhà máy nước Bình Phước - IDICO và đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước: tiếp tục theo dõi và tìm hiểu thị phần khách hàng, tình hình phát triển kinh tế - xã hội khu vực dự kiến cung cấp nước sạch để xin chủ trương khảo sát, tìm hiểu đầu tư khi có điều kiện thuận lợi.

3. Giải pháp thực hiện:

Căn cứ nhiệm vụ hoạt động SXKD và đầu tư năm 2024, Ban Giám đốc điều hành xây dựng các biện pháp, giải pháp cụ thể nhằm thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

* Công tác vận hành Nhà máy điện, Nhà máy nước:

- Tổ chức quản lý vận hành Nhà máy điện, Nhà máy nước an toàn, hiệu quả.
- Điều tiết hồ chứa hợp lý, chạy máy tập trung vào các giờ cao điểm và giờ bình thường để mang lại doanh thu cao nhất.

- Đội ngũ nhân viên kỹ thuật của Công ty luôn đảm bảo có mặt 24/24 để xử lý các tình huống sự cố hoặc hư hỏng có thể xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất số giờ ngừng máy do sự cố.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các tổ máy đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ, chất lượng, tiết kiệm chi phí.

- Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng đã đi vào hoạt động hơn 17 năm, nhằm đảm bảo cho công tác quản lý vận hành Nhà máy luôn ổn định và hiệu quả, Công ty cần thực hiện đánh giá tổng thể tình trạng kỹ thuật của toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị và công trình của Nhà máy điện, từ đó lập kế hoạch trước mắt và dài hạn để cải tạo, sửa chữa, thay thế, mua sắm thiết bị dự phòng... đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

* Công tác tài chính:

- Tăng cường công tác quản lý chi phí, giá thành (kiểm tra, đối chiếu từng khoản mục chi phí so với kế hoạch, cùng kỳ năm trước và so với quy định hiện hành; phổ biến, quán triệt người lao động thực hành tiết kiệm điện, nước...) nhằm tiết kiệm chi phí, nâng

449-2
N
IÊN
NH PH

cao hiệu quả SXKD.

- Thường xuyên theo dõi để thu hồi công nợ, lập kế hoạch cân đối dòng tiền nhằm đảm bảo trả nợ gốc, trả lãi đúng hạn cho các Ngân hàng, nộp thuế vào NSNN và phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

*** Công tác tổ chức nhân sự:**


- Xây dựng bộ máy quản lý điều hành với cơ cấu hợp lý, tập trung vào ngành nghề sản xuất kinh doanh chính như: Sản xuất, kinh doanh điện năng; sản xuất, kinh doanh nước sạch. Công ty thực hiện thuê đơn vị tư vấn, khảo sát, đánh giá về tổ chức bộ máy quản lý, tình hình nhân sự và hiệu quả công việc tại công ty, cấu trúc lại bộ máy quản lý, xây dựng định biên nhân sự, mô tả công việc, quy chế tiền lương, lập phương án trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

- Tăng cường công tác đào tạo, tự đào tạo, phân đầu xây dựng được đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ chuyên môn cao nhằm mục đích xây dựng Công ty trở thành một đơn vị có chuyên môn cao về quản lý, vận hành nhà máy điện, nhà máy xử lý nước sạch.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD, đầu tư năm 2023 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2024 của Ban Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 
- Cổ đông;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY


Nguyễn Thanh Hoài



BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (IDICO-SHP) trân trọng báo cáo Quý Cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024:

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Kế hoạch vận hành thị trường điện năm 2023 được Bộ công thương phê duyệt với giá điện năng thị trường điện cao hơn năm 2022. Về thủy văn từ tháng 6 đến cuối năm 2023 thuận lợi, nhà máy khai thác tối đa công suất các tổ máy. Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận vượt cao so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2023	Thực hiện năm 2023	Thực hiện cùng kỳ năm 2022	Tỷ lệ % TH năm 2023 so với	
						KH năm 2023	Cùng kỳ năm 2022
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	235	254	281	108%	90%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	772.000	849.056	849.975	110%	100%
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	208.783	234.236	267.446	112%	88%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	96.692	116.462	142.323	120%	82%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	77.279	93.079	112.928	120%	82%
6	Cổ tức/VĐL trình ĐHĐCĐ	%	20%	20%	20%	100%	100%

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên, tổ chức 06 cuộc họp, thực hiện 07 lần phiếu lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã ban hành 14 Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo các hoạt động của Công ty với các nội dung quan trọng gồm:

- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2022, triển khai kế hoạch SXKD năm 2023 và thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD các quý năm 2023.
- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty IDICO-SHP.

- Chấp thuận chủ trương vay vốn ngắn hạn và hạn mức bảo lãnh năm 2023 phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chốt danh sách chi trả cổ tức phần còn lại năm tài chính 2022 cho cổ đông.

- Công tác tổ chức, nhân sự: bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, triển khai cấu trúc lại bộ máy quản lý, định biên nhân sự.

- Lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

- Phê duyệt dự toán chi tiết và giá trị quyết toán công tác xử lý sự cố gãy pittong điều khiển cánh xoay turbine thủy lực (sự cố xì dầu áp lực điều khiển cánh xoay) Tổ máy H2 - Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng.

- Các quyết định về thanh lý tài sản cố định (đoạn đường dây 110kV từ trạm biến áp 220kV Bình Long 2 đến ngăn lộ mở rộng tại trạm biến áp 110kV Lộc Ninh).

- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác:

HĐQT đã thực hiện đúng quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty trong việc giám sát hoạt động đối với Giám đốc và người điều hành khác. Ban điều hành đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhìn chung, Ban điều hành đã nỗ lực trong công tác điều hành, tuân thủ pháp luật, đảm bảo quyền lợi của người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Với kết quả năm 2023 đạt mức lợi nhuận sau thuế 93,079 tỷ đồng đạt 120% kế hoạch, Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Giám đốc và người điều hành khác đã hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2023:

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT được báo cáo, công bố theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Các thông tin, số liệu cụ thể được trình bày chi tiết trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023. Quý cổ đông vui lòng xem cụ thể tại Báo cáo này được đăng tải trên website của công ty IDICO-SHP theo đường dẫn: <https://www.idico-shp.com.vn/chuyen-muc/42.Quan-he-co-dong.html>.

4. Báo cáo về các giao dịch liên quan:

- Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: không có.

- Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là

0041
CÔNG
CỔ PH
HỮU L
K PHU
IDIC
MG-TJ

thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: không có

5. Công bố thông tin và quan hệ nhà đầu tư:

- Việc công bố thông tin của Công ty luôn được đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định.

- Các kênh tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin từ cổ đông/nhà đầu tư (điện thoại, email, trực tiếp, ...) được duy trì thường xuyên nhằm cung cấp thông tin cho cổ đông/nhà đầu tư được kịp thời, chính xác nhất.

II. Kế hoạch hoạt động năm 2024

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 có những đặc điểm sau:

- Chu kỳ El Nino dự báo kéo dài sang sáu tháng đầu năm 2024.
- Hồ thủy điện Thác Mơ được tích nước đầy hồ năm 2023.
- Giá thị trường điện năm 2024 thấp hơn năm 2023 (1510 đồng/1778,6 đồng).
- Hệ số thanh toán thị trường điện (α) được áp dụng 0,98.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ % KH2024/TH2023	Tỷ lệ % KH2024/KH2023
1	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	235	254	240	94%	102%
2	Sản lượng nước sạch	m ³	772.000	849.056	787.440	93%	102%
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	208.783	234.236	208.956	89%	100%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	96.692	116.462	95.854	82%	99%
5	Thuế TNDN	Triệu đồng	19.413	23.383	18.400	79%	95%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	77.279	93.079	77.454	83%	100%
7	Cổ tức/VĐL trình ĐHCĐ	%	20%	20%	20%	100%	100%

2. Tập trung chỉ đạo các công việc quan trọng:

- Bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội cổ đông thông qua. Quản lý vận hành an toàn, quản lý chi phí để phần đầu vượt kết quả doanh thu và lợi nhuận.

- Tiếp tục khảo sát nghiên cứu đầu tư các dự án cấp nước cho các cơ sở sản xuất, cung cấp nước sạch trên địa bàn.

- Nghiên cứu về tái cơ cấu sắp xếp tổ chức, định biên để tinh gọn bộ máy, tăng năng suất lao động.


- Đánh giá tình trạng kỹ thuật của hệ thống thiết bị, công trình sau nhiều năm đi vào vận hành để xây dựng kế hoạch cải tạo, sửa chữa, trang bị, thay thế và dự phòng.

- Theo dõi kế hoạch thực hiện Tổng sơ đồ quy hoạch điện VIII, nghiên cứu đầu tư năng lượng mặt trời tại khu vực nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng.

7440
TY
SIN
EN
MIENG
INH PHU

Năm 2024, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chủ động, nỗ lực hơn nữa chỉ đạo giám sát để hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý Cổ đông để hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ngày càng phát triển.

Trân trọng.

Nơi nhận: 
- Cổ đông;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thịnh



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

Kính gửi: **Đại hội đồng Cổ đông**

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ngày 12/5/2021;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản họp Ban kiểm soát Công ty kỳ họp lần thứ 01/2024 ngày 14/3/2024,

Ban Kiểm soát chúng tôi gồm có 03 thành viên đã thực hiện kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty năm 2023 với một số nội dung chủ yếu sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023:

1. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Năm 2023, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”/“IDICO SHP”) đã tổ chức các cuộc họp định kỳ để triển khai nhiệm vụ, gồm các nội dung:

- Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (“SXKD”) năm 2022 của công ty và thông qua kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty.
- Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2023 của công ty và triển khai kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động SXKD 6 tháng cuối năm 2023 và năm 2023 của công ty.

2. Kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD

Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty với các nội dung cụ thể sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban điều hành và các cán bộ quản lý. Xem xét tính phù hợp của các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Ban điều hành công ty.

- Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện việc chấp hành Điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ Công ty.

- Kiểm tra các chứng từ, sổ sách kế toán và các tài liệu khác có liên quan đến hoạt động của Công ty về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; Kiểm soát sự tuân thủ các chế độ, chính sách của Nhà nước hiện hành.

- Thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng năm 2023 và báo cáo tài chính năm 2023 trên cơ sở báo cáo tài chính do đơn vị cung cấp và kết quả kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và ý kiến phản hồi của Ban giám đốc Công ty.

- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập, trao đổi với Ban giám đốc về các ý kiến phản hồi để cùng hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình thẩm định báo cáo tài chính năm 2023.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và tài chính Công ty:

1. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác:

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2023 đã tuân thủ đúng theo Điều lệ và Quy định của Công ty; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các Quy định của Pháp luật hiện hành.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và cùng phối hợp với Ban giám đốc thường xuyên trong quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp đúng định kỳ, mỗi quý 1 lần, các cuộc họp có mời Ban Kiểm soát, Giám đốc tham dự. Hội đồng quản trị nghiêm túc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty, thường xuyên kiểm điểm, đánh giá lại tình hình thực hiện nhiệm vụ của Nghị quyết, đề ra phương hướng nhiệm vụ trọng tâm, vv... Nghị quyết của HĐQT được ban hành theo đúng chức năng, quyền hạn, trên cơ sở thống nhất cao của các thành viên HĐQT và phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, tuân thủ Luật Doanh nghiệp cũng như các Quy định của Pháp luật.

b. Hoạt động của Ban điều hành:

- Ban điều hành Công ty đã tổ chức triển khai và thực hiện quản lý, điều hành hoạt động đúng chức năng và quyền hạn theo Điều lệ Công ty quy định, tuân thủ thực hiện nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị thường kỳ.

- Về công tác quản lý và điều hành: Công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện theo nhiệm vụ được phân công, phân cấp. Ban điều hành thường xuyên kiểm tra, giám sát mức độ hoàn thành công việc của bộ máy giúp việc trong công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp.

- Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình, nhằm tạo ra phong trào thi đua lao động sản xuất sôi nổi trên tất cả các lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ ở cơ sở như: Tổ chức hội nghị người lao động; Tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc ... nhằm phát huy tiềm năng, sức mạnh trong tập thể người lao động đóng góp xây dựng công ty phát triển bền vững.

- Thực hiện nhiệm vụ trong năm 2023, Ban kiểm soát chưa phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

c. Phối hợp giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát:

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các phòng ban nghiệp vụ của công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ, không có áp lực, rào cản nào làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Tình hình tài chính Công ty tại thời điểm 31/12/2023:

- Về tình hình công nợ tại thời điểm 31/12/2023:

+ Tổng nợ phải thu là 63.689 triệu đồng, chủ yếu là các khoản phải thu khách hàng đối với tiền điện, tiền nước sạch chưa đến hạn thanh toán (*số tiền 42.517 triệu đồng*) và một phần tiền điện từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023 công ty Mua bán điện tạm giữ lại là 20.300 triệu đồng (*ngày 22/01/2024, EPTC đã thanh toán khoản tiền điện còn lại từ tháng 01/2023 đến tháng 05/2023 là 13.641 triệu đồng*); phải thu các đối tượng khác là 872 triệu đồng. Công ty luôn thường xuyên theo dõi thu hồi công nợ.

+ Tổng nợ phải trả là 56.079 triệu đồng;

(*chủ yếu là khoản phải trả Ngân hàng Vietcombank Bình Phước, Ngân hàng Vietinbank Bình Phước, nộp Ngân sách nhà nước, cổ tức*).

+ Về đối chiếu công nợ: các khoản công nợ đều được đối chiếu, kiểm tra cụ thể, rõ ràng nên hiện tại IDICO-SHP không có công nợ phải thu khó đòi và nợ mất khả năng thanh toán.

- Trong năm 2023, IDICO-SHP cũng đã chủ động vay vốn lưu động Ngân hàng để chi trả các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh, kịp thời bù đắp thiếu hụt dòng tiền tạm thời trong năm.

Theo số liệu đơn vị báo cáo Quyết toán tài chính năm và kết quả kiểm toán độc lập của Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam, qua kiểm tra xem xét chứng từ, sổ sách kế toán do Công ty cung cấp, Ban kiểm soát cơ bản thống nhất với kết quả, số liệu kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 với một số chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

Nội dung	Số cuối năm (đồng)	Số đầu năm (đồng)
I. Tổng tài sản	667.881.884.446	692.199.859.604
- Tài sản ngắn hạn	89.308.662.226	76.295.861.350
- Tài sản dài hạn	578.573.222.220	615.903.998.254

801
CĐ
CĐ
TH
K P
H
3/1/2024

Nội dung	Số cuối năm (đồng)	Số đầu năm (đồng)
II. Nợ phải trả	56.079.156.656	116.216.932.379
- Vay và nợ ngắn hạn	56.079.156.656	116.216.932.379
- Vay và nợ dài hạn	-	-
III. Vốn chủ sở hữu	611.802.727.790	575.982.927.225
- Vốn góp của chủ sở hữu	450.000.000.000	450.000.000.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	161.802.727.790	125.982.927.225
- Quỹ Đầu tư phát triển	-	-
- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Nội dung	Thực hiện năm 2023 (đồng)	Kế hoạch năm 2023 (đồng)	Tỷ lệ % thực hiện so với kế hoạch
a. Tổng doanh thu và thu nhập khác:	234.236.385.802	208.783.032.221	112%
+ Doanh thu hoạt động SXKD điện	223.716.738.523	199.632.852.000	112%
+ Doanh thu hoạt động SXKD nước sạch	9.314.203.835	8.334.021.120	112%
+ Doanh thu vườn cây cao su, khác	886.051.138	816.159.101	109%
+ Doanh thu hoạt động tài chính	319.387.250	-	
+ Thu nhập khác	5.056	-	
b. Tổng chi phí:	117.774.387.814	112.091.116.002	105%
+ Giá vốn của hoạt động SXKD	103.120.148.456	96.986.115.170	106%
+ Chi phí tài chính	1.837.332.366	2.125.000.000	86%
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.813.994.992	12.980.000.832	99%
+ Chi phí khác	2.912.000		
c. Kết quả kinh doanh:			
+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	116.461.997.988	96.691.916.219	120%
+ Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	93.078.800.565	77.278.572.975	120%
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.068	1.717	120%
+ Dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông mức cổ tức	20%/vốn điều lệ	20%/vốn điều lệ	100%

3. Công tác tài chính - kế toán:

Công ty thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được quy định tại Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng

dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

+ Sổ sách, chứng từ kế toán: Sổ sách đầy đủ, ghi chép rõ ràng, số liệu báo cáo tài chính phản ánh trung thực.

+ Công tác hạch toán kế toán: Thực hiện đúng các quy định và các chuẩn mực kế toán hiện hành.

4. Công bố thông tin:

- Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên UPCOM từ ngày 29/6/2015.

- Công ty thực hiện việc công bố thông tin đầy đủ theo quy định của Ủy ban chứng nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

5. Báo cáo về các giao dịch liên quan:

- Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó: không có.

- Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: không có

6. Thù lao, tiền lương, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát năm 2023:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (ĐVT: đồng)
1	Ông Nguyễn Đăng Thanh	Trưởng ban	65.000.000
2	Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên - miễn nhiệm từ ngày 18/4/2023	14.400.000
3	Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên - bổ nhiệm từ ngày 18/4/2023	37.600.000
4	Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên BKS	52.000.000
Tổng cộng			169.000.000

III. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách và Pháp luật Nhà nước về quản lý tài sản, tiền vốn có hiệu quả và quản lý chi tiêu đúng quy định hiện hành; Xác nhận, đối chiếu đầy đủ các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải

trả đúng theo từng đối tượng, để có biện pháp thu hồi và xử lý kịp thời các khoản nợ khó đòi, mất khả năng thanh toán.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh và kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ nhà máy để trích lập quỹ dự phòng phù hợp theo đúng quy định pháp luật, giúp Công ty có nguồn tài chính ổn định để trang trải, bù đắp vào những tổn thất, rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

IV. Phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2024:

1. Chủ động, tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện, chấp hành chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định đã được Hội đồng quản trị thống nhất ban hành.

2. Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ, kịp thời phản ánh tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên về các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và có ý kiến đề xuất biện pháp xử lý với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024. Ban kiểm soát báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu: Hồ sơ, BKS Công ty.

**T/M BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đăng Thanh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/TTr-HĐQT

Bình Phước, ngày 03 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 bao gồm:

1. Báo cáo của công ty kiểm toán.
2. Bảng cân đối kế toán.
3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
5. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận: 

- Như trên;

- Lưu: Hồ sơ, VPTH, TCKT.

(gửi kèm: BCTC năm 2023 đã được kiểm toán)




Nguyễn Văn Thịnh



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

380
C
C
TH
SROK
RIE
RIEN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO) (nay là Tổng Công ty IDICO - CTCP).

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp lần đầu ngày 12/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/12/2021.

Vốn điều lệ theo pthay đổi lần thứ 7 ngày 09/12/2021 là: 450.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi tỷ đồng*), được chia thành 45.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO SROK PHU MIENG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - SHP

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã giao dịch là ISH.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thịnh	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 18/4/2023)
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 18/4/2023)
Ông Nguyễn Thanh Hoài	Thành viên
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 18/4/2023)
Ông Hoàng Văn Hiến	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/4/2023)
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đăng Thanh	Trưởng ban
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 18/4/2023)
Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/4/2023)
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hoài	Giám đốc
Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên của Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Hoài
Giám đốc

Bình Phước, ngày 05 tháng 3 năm 2024

Số: 75/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được lập ngày 05/3/2024, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy ủy quyền số 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2024*

Đàm Tuấn Anh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		89.308.662.226	76.295.861.350
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	17.646.492.150	12.492.909.888
1. Tiền	111		646.492.150	492.909.888
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	12.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.688.945.477	55.797.084.203
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	62.817.540.079	54.921.493.880
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		783.559.861	713.678.502
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	87.845.537	161.911.821
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	7.973.224.599	8.005.867.259
1. Hàng tồn kho	141		7.973.224.599	8.005.867.259
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		578.573.222.220	615.903.998.254
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.400.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	-	2.400.000
II Tài sản cố định	220		407.329.813.178	439.494.931.632
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	404.965.765.399	436.973.991.137
- Nguyên giá	222		1.085.807.715.737	1.085.699.661.737
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(680.841.950.338)	(648.725.670.600)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	2.364.047.779	2.520.940.495
- Nguyên giá	228		4.941.214.087	4.941.214.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.577.166.308)	(2.420.273.592)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		855.909.091	855.909.091
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	855.909.091	855.909.091
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		170.387.499.951	175.550.757.531
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	170.387.499.951	175.550.757.531
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		667.881.884.446	692.199.859.604



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		56.079.156.656	116.216.932.379
I- Nợ ngắn hạn	310		56.079.156.656	116.216.932.379
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	157.656.546	168.656.259
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	110.781.250
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	12.239.392.155	22.540.397.788
4. Phải trả người lao động	314		1.472.000.000	3.969.069.174
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	6.056.915.816	60.265.181.199
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	31.150.604.466	24.324.944.068
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.13	4.200.000.000	4.308.223.795
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		802.587.673	529.678.846
II- Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		611.802.727.790	575.982.927.225
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	611.802.727.790	575.982.927.225
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		450.000.000.000	450.000.000.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		161.802.727.790	125.982.927.225
- LNST chưa PP lũy kế	421a		68.723.927.225	49.054.889.344
đến cuối năm trước				
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		93.078.800.565	76.928.037.881
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		667.881.884.446	692.199.859.604

Bình Phước, ngày 05 tháng 3 năm 2024

Người lập



Trần Thị Mai

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy

Giám đốc



Nguyễn Thanh Hoài

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	233.916.993.496	267.223.312.524
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		233.916.993.496	267.223.312.524
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	103.120.148.456	110.390.873.636
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		130.796.845.040	156.832.438.888
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	319.387.250	222.399.179
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.837.332.366	2.120.271.802
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.837.332.366</i>	<i>2.120.271.802</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.813.994.992	12.611.496.469
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		116.464.904.932	142.323.069.796
11. Thu nhập khác	31		5.056	5.399
12. Chi phí khác	32		2.912.000	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(2.906.944)	5.399
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		116.461.997.988	142.323.075.195
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	23.383.197.423	29.395.037.314
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		93.078.800.565	112.928.037.881
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.068	2.437

Người lập

Trần Thị Mai

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy

Bình Phước, ngày 05 tháng 3 năm 2024
Giám đốc



Nguyễn Thanh Hoài

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Trình bày lại) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		116.461.997.988	142.323.075.195
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		32.208.837.947	32.209.153.924
- Các khoản dự phòng	03		(108.223.795)	4.308.223.795
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(319.387.250)	(222.399.179)
- Chi phí lãi vay	06		1.837.332.366	2.120.271.802
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		150.080.557.256	180.738.325.537
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.948.475.045)	735.375.271
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		32.642.660	(5.112.590.153)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(858.603.070)	(2.820.405.356)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.163.257.580	5.181.628.580
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.831.290.358)	(2.903.387.176)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.230.239.314)	(13.830.835.547)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.921.756.666)	(1.882.026.666)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>106.486.093.043</i>	<i>160.106.084.490</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(108.054.000)	(77.236.364)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		378.401.021	222.399.179
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>270.347.021</i>	<i>145.162.815</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		67.637.738.745	60.087.938.765
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(60.812.078.347)	(90.580.083.245)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(108.428.518.200)	(123.606.429.220)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(101.602.857.802)</i>	<i>(154.098.573.700)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		<i>5.153.582.262</i>	<i>6.152.673.605</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60		<i>12.492.909.888</i>	<i>6.340.236.283</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	5.1	<i>17.646.492.150</i>	<i>12.492.909.888</i>

Bình Phước, ngày 05 tháng 3 năm 2024

Người lập



Trần Thị Mai

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thúy

Giám đốc



Nguyễn Thanh Hoài

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được thành lập từ cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO) (nay là Tổng Công ty IDICO - CTCP).

Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3800407449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp lần đầu ngày 12/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/12/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 09/12/2021 là: 450.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO SROK PHU MIENG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - SHP.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UpCOM với mã giao dịch là ISH.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 64 người (Tại ngày 31/12/2022 là: 64 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất điện: Chi tiết: Thủy điện, Nhiệt điện than, Nhiệt điện khí, Điện gió, Điện mặt trời, Điện khác;
- Truyền tải và phân phối điện: Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Trồng cây cao su;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Đào tạo Trường ca, công nhân vận hành nhà máy điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng cơ bản, giám sát lắp đặt thiết bị công trình điện, quản lý dự án đầu tư;
- Xây dựng nhà ở;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Chi tiết: Thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại phục vụ công tác xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là kinh doanh điện, nước sạch, kinh doanh mù cao su.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03 /2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 này.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự xây dựng, tự sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Vườn cây cao su	20

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất khu đầu mối và các chi phí rà phá bom mìn được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chi phí rà phá bom mìn: là toàn bộ chi phí thực tế của Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp đến dự án Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng thời gian khấu hao trong 20 năm.

Quyền sử dụng đất khu đầu mối có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thời gian khấu hao 50 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí trả trước là Quyền sử dụng đất lồng hồ có thời hạn xác định được phân bổ theo thời hạn được phép sử dụng đất tại Quyết định giao đất cho Công ty quản lý với thời hạn phân bổ đến năm 2057.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả với Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện năng, cung cấp nước sạch và khai thác bán mù cao su.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán nước sạch được xác định và tính toán dựa trên bảng giá tiền nước quy định bởi UBND tỉnh Bình Phước và khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng, được xác định theo chỉ số đồng hồ nước đo được của các khách hàng.

140.
NG T
PHÁ
Y DIỆ
HUM
ICO
T.B)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên:

Hoạt động sản xuất điện sử dụng nước thiên nhiên: áp dụng mức thuế suất 5% và giá tính thuế Tài nguyên là giá bán điện thương phẩm bình quân là 1.864,44 đồng/kWh theo quyết định 648/QĐ/BCT ngày 20/3/2019; từ ngày 04/5/2023 là 1.920,3732 đ/kWh theo Quyết định số 1062/QĐ-BCT ngày 04/5/2023; từ ngày 09/11/2023 là 2.006,79 đ/kWh theo Quyết định số 2941/QĐ-BCT ngày 08/11/2023 của Bộ Công thương.

Hoạt động sản xuất nước sạch sử dụng nước thiên nhiên bề mặt: áp dụng mức thuế suất 1%; giá tính thuế tài nguyên là 4.000 đồng/m³ tính trên sản lượng nước thô khai thác theo quy định theo Quyết định số 03/2022/QĐ - UBND ngày 27/01/2022 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đã trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là điện, nước sạch, trồng và khai thác mủ cao su và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	97.340.000	6.391.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	549.152.150	486.518.888
Các khoản tương đương tiền (i)	17.000.000.000	12.000.000.000
Tổng	17.646.492.150	12.492.909.888

(i) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 2,7% - 4,4%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty mua bán điện - EVN	61.887.619.972	53.958.083.596
Phải thu ngắn hạn khác	929.920.107	963.410.284
Tổng	62.817.540.079	54.921.493.880

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	87.845.537	-	161.911.821	-
Phải thu khác	16.345.537	-	75.411.821	-
Tạm ứng	71.500.000	-	86.500.000	-
Dài hạn	-	-	2.400.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	2.400.000	-
Tổng	87.845.537	-	164.311.821	-

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.973.224.599	-	8.003.727.259	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	2.140.000	-
Tổng	7.973.224.599	-	8.005.867.259	-

5.5 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	(Trình bày lại) VND
Quyền sử dụng đất lòng hồ	170.387.499.951	175.550.757.531
Tổng	170.387.499.951	175.550.757.531

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dung cụ quản lý	Cây lâu năm	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	602.508.846.988	470.207.943.534	5.113.534.871	1.036.598.651	6.832.737.693	1.085.699.661.737
Tăng trong năm	-	108.054.000	-	-	-	108.054.000
Mua trong năm	-	108.054.000	-	-	-	108.054.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	602.508.846.988	470.315.997.534	5.113.534.871	1.036.598.651	6.832.737.693	1.085.807.715.737
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	259.683.395.516	381.659.940.221	4.852.428.093	685.589.026	1.844.317.744	648.725.670.600
Tăng trong năm	16.641.247.679	14.909.819.955	65.475.348	143.492.132	356.244.624	32.116.279.738
Khấu hao trong năm	16.576.913.172	14.909.819.955	65.475.348	143.492.132	356.244.624	32.051.945.231
Khấu hao tài sản quỹ phúc lợi	64.334.507	-	-	-	-	64.334.507
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	276.324.643.195	396.569.760.176	4.917.903.441	829.081.158	2.200.562.368	680.841.950.338
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	342.825.451.472	88.548.003.313	261.106.778	351.009.625	4.988.419.949	436.973.991.137
Tại ngày 31/12/2023	326.184.203.793	73.746.237.358	195.631.430	207.517.493	4.632.175.325	404.965.765.399

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 60.095.645.907 VND (tại ngày 31/12/2022 64.440.400.326 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 109.545.750.982 VND (tại ngày 31/12/2022 là 108.289.189.233 VND).

Nguyên giá của TSCĐ chờ thanh lý tại ngày 31/12/2023 là 12.504.956.000 VND (ngày 31/12/2022: 149.252.219 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (i)	Chi phí rà phá bom mìn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2023	3.005.563.951	1.935.650.136	4.941.214.087
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	3.005.563.951	1.935.650.136	4.941.214.087
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2023	847.552.072	1.572.721.520	2.420.273.592
Tăng trong năm	60.111.756	96.780.960	156.892.716
Khấu hao trong năm	60.111.756	96.780.960	156.892.716
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	907.663.828	1.669.502.480	2.577.166.308
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2023	2.158.011.879	362.928.616	2.520.940.495
Tại ngày 31/12/2023	2.097.900.123	266.147.656	2.364.047.779

(i) Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm:

+ GCN QSDĐ số AH 514219 được UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 09/5/2007, địa chỉ tại xã Thanh An, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước với diện tích 285.004 m², có thời hạn sử dụng đất đến 09/5/2057.

+ GCN QSDĐ số BD752354 được UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/7/2011, địa chỉ tại xã Long Bình, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước với diện tích 468.588 m², có thời hạn sử dụng đất đến 09/5/2057.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án Điện năng lượng mặt trời Srok Phu Miêng (i)	855.909.091	855.909.091
Tổng	855.909.091	855.909.091

(i) Đây là chi phí liên quan đến việc lập hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án Nhà máy điện mặt trời Srok Phu Miêng khu Đầu mối và vùng bán ngập lòng hồ Thủy điện Srok Phu Miêng. Đến thời điểm ngày 31/12/2023, Công ty đang chờ các quyết định phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục triển khai dự án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Giang Sơn	60.035.656	60.035.656	60.035.656	60.035.656
Phải trả người bán khác	97.620.890	97.620.890	108.620.603	108.620.603
Tổng	157.656.546	157.656.546	168.656.259	168.656.259

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	621.160.248	18.715.680.855	18.264.970.340	1.071.870.763
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	21.702.037.314	23.383.197.423	35.230.239.314	9.854.995.423
Thuế thu nhập cá nhân	215.094.307	2.119.747.444	2.160.754.997	174.086.754
Thuế tài nguyên	2.105.919	24.439.813.770	23.303.480.474	1.138.439.215
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	58.451.409	58.451.409	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.964.991.000	2.964.991.000	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	22.540.397.788	71.684.881.901	81.985.887.534	12.239.392.155

(i) Trong tổng số thuế TNDN Công ty phải nộp trong kỳ là 23.383.197.423 VND, Trong đó, số thuế TNDN phải nộp của năm 2023 là 23.374.995.423 VND và số thuế phải nộp bổ sung của năm 2022 là 8.202.000 VND.

5.11 Phải trả phải nộp khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	2.866.348.200	2.675.062.848
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng chưa nhận	630.732.760	607.807.303
Cổ tức phải trả	2.532.988.800	20.961.507.000
Tạm ứng cổ tức năm 2022	-	36.000.000.000
Phải trả khác	26.846.056	20.804.048
Tổng	6.056.915.816	60.265.181.199

*Trong đó, Phải trả khác là các bên liên quan
 (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)*

- 49.754.100.400

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICOThôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng,
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước (i)	7.541.121.450	7.541.121.450	26.603.725.141	23.814.745.081	4.752.141.390	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Phước (ii)	23.609.483.016	23.609.483.016	41.034.013.604	36.997.333.266	19.572.802.678	19.572.802.678
Tổng	31.150.604.466	31.150.604.466	67.637.738.745	60.812.078.347	24.324.944.068	19.572.802.678

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước

Số hợp đồng	THAOHTX2301/2023-HĐCVHM/NHCT504-SPM
Ngày hiệu lực	03/8/2023
Hạn mức vay	10.000.000.000 VND
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, nước sạch, thi công xây lắp và tư vấn giám sát năm 2023 - 2024
Thời hạn vay/duy trì hạn mức	Từ ngày 03/8/2023 đến hết ngày 31/7/2024
Lãi suất vay	Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp tài sản: Nhà máy - Cụm xử lý nhà máy nước Bình Phước với giá trị còn lại của tài sản là 4.702.221.963 VND .

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIẾNG IDICO

Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng,
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước**

Số hợp đồng	082A23/KHBB
Ngày hiệu lực	29/9/2023
Hạn mức vay	30.000.000.000 VND
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động
Thời hạn vay/duy trì hạn mức	12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.
Lãi suất vay	Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
Hình thức đảm bảo tiền vay	Thế chấp tài sản: Máy móc thiết bị tổ máy 1, tổ máy 2 và căn trực thượng lưu với giá trị còn lại của tài sản là 55.393.423.944 VND.

5.13 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ	4.200.000.000	4.308.223.795
Tổng	4.200.000.000	4.308.223.795

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng,
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	450.000.000.000	2.350.956.364	138.612.932.980	590.963.889.344
Lãi trong năm trước	-	-	112.928.037.881	112.928.037.881
Tặng từ vốn khác của chủ sở hữu	-	-	2.350.956.364	2.350.956.364
Chuyển vốn khác của chủ sở hữu sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	(2.350.956.364)	-	(2.350.956.364)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.909.000.000)	(1.909.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2022	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	450.000.000.000	-	125.982.927.225	575.982.927.225
Số dư tại ngày 01/01/2023	450.000.000.000	-	125.982.927.225	575.982.927.225
Lãi trong năm nay	-	-	93.078.800.565	93.078.800.565
Chia cổ tức (i)	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(2.259.000.000)	(2.259.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (i)	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	450.000.000.000	-	161.802.727.790	611.802.727.790

(i) Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 2% trên lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 2.259.000.000 VND.

- Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành 1.000.000.000 VND.

- Chia cổ tức: 20% trên vốn điều lệ, tương đương 90.000.000.000 VND, trong đó: Công ty đã tạm ứng cổ tức: 36.000.000.000 VND trong năm 2022 (tương đương 8% trên vốn điều lệ), số cổ tức còn lại chia trong năm 2023: 54.000.000.000 VND, theo Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu:

Cổ đông	Tại 31/12/2023			Tại 01/01/2023		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị VND)	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị VND)
Tổng Công ty IDICO - CTCP	51,77%	23.299.000	232.990.000.000	51,77%	23.299.000	232.990.000.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	34,3%	15.433.893	154.338.930.000	34,30%	15.433.893	154.338.930.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	13,93%	6.267.107	62.671.070.000	13,93%	6.267.107	62.671.070.000
Tổng	100%	45.000.000	450.000.000.000	100%	45.000.000	450.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	450.000.000.000	450.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	54.000.000.000	126.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng /CP	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán điện	223.716.738.523	257.107.433.156
Doanh thu bán nước sạch	9.314.203.835	9.285.770.580
Doanh thu khai thác vườn cây cao su	886.051.138	830.108.788
Tổng	233.916.993.496	267.223.312.524

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán điện	97.044.865.847	104.233.507.090
Giá vốn bán nước sạch	5.505.004.985	5.464.196.924
Giá vốn khai thác vườn cây cao su	570.277.624	693.169.622
Tổng	103.120.148.456	110.390.873.636

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	319.387.250	222.399.179
Tổng	319.387.250	222.399.179

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	1.837.332.366	2.120.271.802
Tổng	1.837.332.366	2.120.271.802
<i>Trong đó, Chi phí lãi vay là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)</i>	-	832.726.027

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.914.066.753	7.845.993.235
Chi phí vật liệu quản lý	303.952.662	578.019.162
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.080.000	125.061.682
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.564.574.364	1.557.152.136
Thuế phí và lệ phí	69.720.528	88.306.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	707.524.402	909.520.152
Chi phí bằng tiền khác	1.252.076.283	1.507.443.792
Tổng	12.813.994.992	12.611.496.469

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	2.172.107.085	4.099.829.942
Chi phí nhân công	27.667.999.200	26.127.634.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.208.837.947	37.372.411.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.338.572.769	5.319.469.216
Chi phí khác bằng tiền	50.546.626.447	50.083.024.722
Tổng	115.934.143.448	123.002.370.105

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	116.461.997.988	142.323.075.195
- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	4.721.202.923	4.643.838.481
+ Chi phí không được trừ	521.202.923	335.614.686
+ Trích chi phí dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định	4.200.000.000	4.308.223.795
+Trích trước chi phí bảo dưỡng thiết bị	-	-
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	4.308.223.795	-
+ Hoàn nhập chi phí dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định	4.308.223.795	-
2. Thu nhập tính thuế	116.874.977.116	146.975.186.569
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
3. Thuế TNDN phải nộp	23.374.995.423	29.395.037.314
- Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	8.202.000	-
4. Thuế TNDN hiện hành	23.383.197.423	29.395.037.314

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	93.078.800.565	112.928.037.881
<i>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban Quản lý, điều hành</i>	-	(3.259.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	93.078.800.565	109.669.037.881
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	45.000.000	45.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)	2.068	2.437

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2023 như được trình bày tại Thuyết minh số 5.14. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên báo cáo năm trước VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	112.928.037.881	112.928.037.881	-
<i>Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban Quản lý, điều hành</i>	-	(3.259.000.000)	(3.259.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	112.928.037.881	109.669.037.881	(3.259.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	45.000.000	45.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.510	2.437	(72)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương, thù lao của Ban Giám đốc và Người quản lý khác

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1	Ông Nguyễn Cao Nguyên	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2023)	32.400.000	96.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2023)	84.600.000	-
3	Bà Trần Thùy Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2023)	56.400.000	-
4	Ông Hoàng Văn Hiến	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2023)	21.600.000	72.000.000
5	Ông Nguyễn Thanh Hoài	Thành viên	78.000.000	72.000.000
6	Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên	78.000.000	72.000.000
7	Ông Mai Đình Nhật	Thành viên	78.000.000	51.000.000
	Tổng		429.000.000	363.000.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1	Ông Nguyễn Đăng Thanh	Trưởng ban	65.000.000	60.000.000
2	Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/04/2023)	14.400.000	48.000.000
3	Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 18/04/2023)	37.600.000	-
4	Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên	52.000.000	48.000.000
	Tổng		169.000.000	156.000.000

Tiền lương, thù lao và của Ban Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1	Ông Nguyễn Thanh Hoài	Thành viên HĐQT, Giám đốc	853.636.358	796.252.190
2	Ông Bùi Hải Nam	Phó Giám đốc	702.272.730	668.201.880
3	Bà Vũ Thị Thúy	Kế toán trưởng kiêm phụ trách quản trị	675.863.636	639.465.539
3	Bà Nguyễn Thùy Linh	Người công bố thông tin	461.090.892	423.021.264
	Tổng		2.692.863.616	2.526.940.873

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIỀNG IDICOThôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng,
tỉnh Bình Phước, Việt Nam.**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
<u>Giao dịch vay</u>				
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	Chi trả nợ gốc vay	-	30.000.000.000
<u>Giao dịch khác</u>				
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	27.958.800.000	64.539.200.000
		Cổ tức đã trả	57.498.000.000	62.540.000.000
		Chi phí lãi vay	-	832.726.027
		Mua cổ phiếu	-	3.490.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng REE	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	18.520.671.600	43.214.900.400
		Cổ tức đã trả	38.735.572.000	41.520.671.600

d. Số dư với bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2023</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2023</u> <u>VND</u>
<u>Phải trả khác</u>				
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	Cổ tức	-	29.539.200.000
Công ty TNHH Năng Lượng REE	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	-	20.214.900.400
Tổng			-	49.754.100.400



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Báo cáo bộ phận

a) Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tổng doanh thu	223.716.738.523	9.314.203.835	886.051.138	233.916.993.496
Giá vốn từng bộ phận	(97.044.865.847)	(5.505.004.985)	(570.277.624)	(103.120.148.456)
Kết quả kinh doanh bộ phận	126.671.872.676	3.809.198.850	315.773.514	130.796.845.040
Doanh thu hoạt động tài chính	319.387.250	-	-	319.387.250
Chi phí tài chính	(1.837.332.366)	-	-	(1.837.332.366)
Chi phí quản lý từng bộ phận	(12.301.821.973)	(512.173.019)	-	(12.813.994.992)
Kết quả thu nhập khác	-	-	(2.906.944)	(2.906.944)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	112.852.105.587	3.297.025.831	312.866.570	116.461.997.988
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	4.762.212.923	-	-	4.762.212.923
Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(4.308.223.795)	-	-	(4.308.223.795)
Thu nhập tính thuế	113.306.094.715	3.297.025.831	312.866.570	116.915.987.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(22.661.218.943)	(659.405.166)	(62.573.314)	(23.383.197.423)
Lợi nhuận trong năm	90.190.886.644	2.637.620.665	250.293.256	93.078.800.565

b) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Khác VND	Tổng VND
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	397.995.415.890	4.702.221.963	4.632.175.325	407.329.813.178
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	855.909.091	855.909.091
Các khoản phải thu	62.759.025.370	929.920.107	-	63.688.945.477
Hàng tồn kho				7.973.224.599
Tài sản không thể phân bổ				188.033.992.101
Tổng tài sản				667.881.884.446

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Khác VND	Tổng VND
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	16.059.381.100	333.604.795	46.406.260	16.439.392.155
Phải trả tiền vay	31.150.604.466	-	-	31.150.604.466
Nợ phải trả không phân bổ				8.489.160.035
Tổng nợ phải trả				56.079.156.656

c) Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Khác VND	Tổng VND
Tổng doanh thu	257.107.433.156	9.285.770.580	830.108.788	267.223.312.524
Giá vốn từng bộ phận	(104.233.507.090)	(5.464.196.924)	(693.169.622)	(110.390.873.636)
Kết quả kinh doanh bộ phận	152.873.926.066	3.821.573.656	136.939.166	156.832.438.888
Doanh thu hoạt động tài chính	222.399.179	-	-	222.399.179
Chi phí tài chính	(2.120.271.802)	-	-	(2.120.271.802)
Chi phí quản lý từng bộ phận	(12.168.692.570)	(439.108.386)	(3.695.513)	(12.611.496.469)
Kết quả thu nhập khác	-	-	5.399	5.399
Lợi nhuận kế toán trước thuế	138.807.360.873	3.382.465.270	133.249.052	142.323.075.195
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	4.643.838.481	-	-	4.643.838.481
Thu nhập tính thuế	143.451.199.354	3.382.465.270	141.521.945	146.975.186.569
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(28.690.239.871)	(676.493.054)	(28.304.389)	(29.395.037.314)
Lợi nhuận trong năm	110.117.121.002	2.705.972.216	104.944.663	112.928.037.881



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

d) Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Khác VND	Tổng VND
Tài sản cố định	604.350.551.097	5.706.718.117	4.988.419.949	615.045.689.163
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	855.909.091	855.909.091
Các khoản phải thu	54.110.744.579	810.749.301	877.990.323	55.799.484.203
Hàng tồn kho				8.005.867.259
Tài sản không thể phân bổ				12.492.909.888
Tổng tài sản				692.199.859.604
NỢ PHẢI TRẢ	Kinh doanh điện VND	Kinh doanh nước VND	Khác VND	Tổng VND
Các khoản phải trả	86.561.652.465	530.638.981	21.511.336	87.113.802.782
Phải trả tiền vay	24.324.944.068	-	-	24.324.944.068
Nợ phải trả không phân bổ				4.778.185.529
Tổng nợ phải trả				116.216.932.379

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Ngày 02/11/2023, Được sự chấp thuận của HĐQT Công ty, Ban Giám đốc Công ty đã phân loại lại giá trị Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất lòng hồ sang Chi phí trả trước dài hạn, do đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày lại, cụ thể như sau:

Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	MS	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
TÀI SẢN DÀI HẠN		178.071.698.026	178.071.698.026	-
Tài sản cố định vô hình	227	178.071.698.026	2.520.940.495	(175.550.757.531)
Chi phí trả trước dài hạn	261	-	175.550.757.531	175.550.757.531

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2022

Chỉ tiêu	MS	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	37.372.411.504	32.209.153.924	(5.163.257.580)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	18.371.000	5.181.628.580	5.163.257.580
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	185.901.583.117	180.738.325.537	(5.163.257.580)

Người lập

Trần Thị Mai

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thúy

Bình Phước, ngày 05 tháng 3 năm 2024
Giám đốc



Nguyễn Thanh Hoài

TỜ TRÌNH
Về việc Phân phối lợi nhuận năm 2023
và kế hoạch năm 2024

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021;

- Căn cứ Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	161.802.727.790 đồng.
+ Năm 2022 chuyển sang:	68.723.927.225 đồng.
+ Lợi nhuận sau thuế năm 2023(LNST):	93.078.800.565 đồng.
- Chia cổ tức bằng tiền (20% Vốn điều lệ):	90.000.000.000 đồng.
+ Cổ tức đã tạm ứng:	0 đồng.
+ Chia cổ tức còn lại (20% Vốn điều lệ):	90.000.000.000 đồng.
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2%/LNST):	1.860.000.000 đồng.
- Trích Quỹ thưởng Ban quản lý:	639.000.000 đồng.
+ Chi thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:	639.000.000 đồng.
- Lợi nhuận chưa phân phối còn lại:	69.303.727.790 đồng.

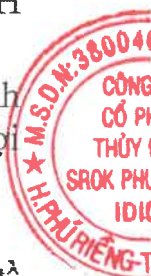
2. Kế hoạch năm 2024:

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Tổng doanh thu:	208.956.000.000 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế:	95.854.000.000 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế:	77.454.000.000 đồng.

2.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:


- Chia cổ tức bằng tiền: 20%/Vốn điều lệ.
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 02%/LNST năm 2024.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH, TCKT.



Nguyễn Văn Thịnh



TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát Công ty năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021;

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty, cụ thể như sau:

1. Tổng mức chi thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2023 là 598.000.000 đồng (Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2023 là 705.000.000 đồng):

Trong đó: - Hội đồng quản trị:	429.000.000 đồng
- Ban kiểm soát:	169.000.000 đồng

2. Kế hoạch Tổng mức chi thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2024 là: 1.211.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị là: 862.000.000 đồng. Mức thù lao từng thành viên do Hội đồng quản trị Công ty quyết định theo nguyên tắc nhất trí.

- Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Ban kiểm soát là: 349.000.000 đồng.

(Tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được trích từ Lợi nhuận sau thuế năm 2023 tại Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 03/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch năm 2024).

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao theo chi phí thực tế phát sinh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi nhận: 

- Như trên;

- Lưu: Hồ sơ, VPTH, TCKT.



Nguyễn Văn Thịnh

Số: 10 /TTr-BKS

Bình Phước, ngày 03 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021;
- Căn cứ Biên bản họp Ban kiểm soát Công ty kỳ họp lần thứ 01/2024 ngày 14/3/2024,

Thực hiện mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị điều hành, tính công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”), Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty như sau:

1. Công ty kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách các Tổ chức kiểm toán được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024 tại Quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 20/11/2023 của Bộ Tài chính; không có xung đột lợi ích; có uy tín về chất lượng kiểm toán; có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong sáu công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, cụ thể như sau:

- **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (Mã số DN: 0101917917)**

Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- **Công ty TNHH PWC (Việt Nam) (Mã số DN: 0100157406)**

Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (Mã số DN: 0300811802)**

Địa chỉ: Số 2, Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- **Công ty TNHH KPMG (Mã số DN: 0100112042)**



Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- **Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam (Mã số DN: 0100112500)**

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (Mã số DN: 0300449815)**

Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH, TCKT.

Trân trọng.
**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đăng Thanh



Số: 11 /TTr-HĐQT

Bình Phước, ngày 03 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”) được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021 (“Điều lệ”);

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý, vận hành của Công ty,

Nhằm mục tiêu hoàn thiện Điều lệ để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông toàn văn dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung và Bảng so sánh các nội dung sửa đổi chính trong Điều lệ sửa đổi được nêu cụ thể tại “*Phụ lục những nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ*” đính kèm.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty như sau:


1. Thông qua dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty. Điều lệ sửa đổi, bổ sung này sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

2. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết và ký ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận: 

- Như trên.
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.




Nguyễn Văn Thịnh



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**

Năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	7
CHƯƠNG III	8
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	9
CHƯƠNG IV	9
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và theo yêu cầu của cổ đông.....	11
CHƯƠNG V	13
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	13
CHƯƠNG VI	13
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	13
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	15
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	18

Điều 16. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	21
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	26
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	30
CHƯƠNG VII	30
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	35
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	37
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	39
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	39
CHƯƠNG VIII	40
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	40
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	40
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	40
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	41
CHƯƠNG IX	42
BAN KIỂM SOÁT	42
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	42
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	42
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	42
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	43

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	44
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	44
CHƯƠNG X	44
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	44
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng.....	44
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	45
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	47
CHƯƠNG XI	48
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	48
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	48
CHƯƠNG XII	49
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	49
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	49
CHƯƠNG XIII	49
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	49
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	49
CHƯƠNG XIV	50
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	50
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	50
Điều 49. Năm tài chính.....	50
Điều 50. Chế độ kế toán	50
CHƯƠNG XV	50
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	50
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	50
Điều 52. Báo cáo thường niên	51
CHƯƠNG XVI	51
KIỂM TOÁN CÔNG TY	51
Điều 53. Kiểm toán	51
CHƯƠNG XVII	51
DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	51

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	51
CHƯƠNG XVIII	51
GIẢI THẺ CÔNG TY	51
Điều 55. Giải thẻ công ty	51
Điều 56. Thanh lý.....	52
CHƯƠNG XIX	52
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	52
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	52
CHƯƠNG XX	53
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	53
Điều 58. Điều lệ công ty.....	53
CHƯƠNG XXI	53
NGÀY HIỆU LỰC	53
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	53

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“**Công ty**” hoặc “**IDICO-SHP**”) được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật Việt Nam. Điều lệ này cùng các quy định của Công ty, các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị sau khi được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với quy định pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần thứ 6 ngày 24/4/2024.

Điều lệ này được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty được tổ chức chính thức vào ngày 24/4/2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 24/4/2024 (“**Điều lệ**”).

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác của Công ty theo quy định của Điều lệ này và các văn bản nội bộ của Công ty, theo Quyết định của HĐQT;
 - h. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ

tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ này và các văn bản nội bộ của Công ty;

- i. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định cụ thể tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - l. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - m. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 Điều lệ này;
 - n. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a. Tên Công ty bằng Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN SROK PHU MIÈNG IDICO**
 - b. Tên Công ty bằng Tiếng Anh: **IDICO SROK PHU MIENG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY**
 - c. Tên Công ty viết tắt: **IDICO - SHP**
2. IDICO-SHP là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- a. Địa chỉ : Xã Long Bình - Huyện Phú Riềng - Tỉnh Bình Phước
 - b. Điện thoại : 0271.3731 400
 - c. Fax : 0271.3731 092
 - d. E-mail : headoffice@idico-shp.com.vn
 - e. Website : www.idico-shp.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật giữ chức vụ là Giám đốc.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:
 - a. Quyền hạn của Người đại diện theo pháp luật:
 - (i) Là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;
 - (ii) Đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Các quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng lao động (nếu có).
 - b. Nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:
 - (i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.
 - (ii) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - (iii) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
 - (iv) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại tiết (i), (ii) và (iii) điểm b khoản 2 Điều này.
 - (v) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng lao động (nếu có).

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất điện (chính) <i>Chi tiết: Thủy điện, Nhiệt điện than, Nhiệt điện khí, Điện gió, Điện mặt trời, Điện khác</i>	3511
2	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Truyền tải điện, Phân phối điện</i>	3512
3	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
4	Trồng cây cao su	0125
5	Trồng cây lâu năm khác	0129
6	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Đào tạo Trường ca, công nhân vận hành nhà máy điện</i>	8559
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng cơ bản, giám sát lắp đặt thiết bị công trình điện, quản lý dự án đầu tư.</i>	7110
8	Xây dựng nhà để ở	4101
9	Xây dựng công trình điện	4221
10	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
11	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác <i>Chi tiết: Thi công lắp đặt máy móc, thiết bị, kết cấu kim loại phục vụ công tác xây dựng</i>	4329

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh tùy theo nhu cầu hoạt động và phù hợp quy định của pháp luật. Các điều chỉnh về ngành nghề kinh doanh (nếu phát sinh) sẽ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty theo quy định của pháp luật và sẽ được cập nhật vào Điều lệ trong lần sửa đổi, bổ sung gần nhất.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông; hoàn thành các nhiệm vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh;
- c. Đóng góp cho ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương;
- d. Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề đã đăng ký như quy định tại Điều lệ này, và các ngành nghề đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh về điều chỉnh ngành nghề và đã công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nếu pháp luật có yêu cầu. Đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 450.000.000.000 VND (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 45.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND một cổ phần (10.000 VND/ cổ phần).
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì khoản 1 Điều này mặc nhiên được sửa đổi để ghi nhận vốn điều lệ được điều chỉnh theo nội dung của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đó.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần mà cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định tại Điều 10 của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ

đồng nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán do Công ty phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc có thể lâu hơn tùy theo phương án phát hành), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một phần cổ phiếu trong chứng nhận cổ phiếu, chứng nhận cũ sẽ bị hủy bỏ và Công ty tiến hành cấp chứng nhận cổ phiếu mới tương ứng phần không chuyển nhượng.
5. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
6. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị đánh cắp, bị tẩy xóa, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị đánh cắp, bị tẩy xóa, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả lại cho Công ty để tiêu hủy;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Những hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của Công ty quy định tại Điều lệ này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị

trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trong trường hợp cổ đông bị chết, những người thừa kế của cổ đông bị chết phải có một văn bản thỏa thuận để chỉ định người hoặc một số người đại diện cho số cổ phần của cổ đông bị chết, trong thỏa thuận phải nêu rõ mỗi người sẽ đại diện cho bao nhiêu cổ phần. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết mà không có người thừa kế hoặc không xác định được người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. Khi đó, việc thực hiện quyền liên quan đến số cổ phần của cổ đông bị chết sẽ tạm ngừng cho đến khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xác định người hoặc những người có quyền đại diện cho số cổ phần của Cổ đông bị chết hoặc những người thừa kế đạt được sự thỏa thuận.
4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và theo yêu cầu của cổ đông

1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:
 - a. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:
 - (i) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng; Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của Luật Chứng khoán;
 - (ii) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty không quy định và Cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
 - (iii) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự và thủ tục sau đây:
 - (iii-1) Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ

ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

(iii-2) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Công ty gửi thông báo về việc mua lại cổ phần cho Cổ đông. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

b. Việc Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình đã phát hành theo quy định tại điểm (a) khoản 1 nêu trên chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau:

- (i) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;
- (ii) Đáp ứng đủ nguồn vốn để mua lại cổ phiếu;
- (iii) Chi định công ty chứng khoán thực hiện giao dịch;
- (iv) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật liên quan về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
- (v) Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Chứng khoán.

c. Việc mua lại cổ phiếu được miễn trừ điều kiện quy định tại các tiết (i), (ii), (iii) và (iv) điểm (b) khoản 2 của Điều này trong các trường hợp: (i) mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của Cổ đông theo quy định tại khoản 4 của Điều này và Điều 132 của Luật Doanh nghiệp, hoặc (ii) mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty, hoặc (iii) mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

d. Công ty sẽ tiến hành các thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.

2. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty thì:

- a. Tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được Công ty mua lại để giảm vốn điều lệ phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;
 - b. Công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm a khoản này.
3. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:
- a. Cổ đông đã biểu quyết phản đối không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
 - b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 3 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty tại từng thời điểm trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện

- quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác (không bao gồm cổ phần ưu đãi mà Công ty đã phát hành tùy mỗi thời điểm, mà theo quy định của pháp luật là bị hạn chế chuyển nhượng);
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này và Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 và 4 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý,

- điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các quy định khác của Công ty có liên quan.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền

và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại điểm (a) khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ: họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/hoặc Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu phải có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c hoặc d khoản 3 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18

Điều lệ này.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

- g. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu/ lấy ý kiến bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 8 Điều 43 của Điều lệ này nếu cổ đông hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch; hoặc
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở Giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông:
 - a. Tất cả các Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân đều có quyền cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật.
 - b. Ủy quyền của Cổ đông là tổ chức:
 - (i) Cổ đông là tổ chức có quyền cử một (01) hoặc một số đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một (01) đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản gửi đến Công ty trong thời hạn sớm nhất theo quy định của pháp luật. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông;
 - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của từng người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là cá nhân); Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là tổ chức);
 - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là cá nhân) hoặc người đại diện theo pháp luật của đại

diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là tổ chức).

- (ii) Tổ chức là cổ đông của Công ty mà sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện.
- c. Việc ủy quyền của cổ đông là cá nhân cũng phải được thực hiện bằng văn bản theo hình thức quy định của pháp luật. Nội dung văn bản chỉ định người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải đảm bảo bao gồm các nội dung sau đây và theo quy định của pháp luật:
 - (i) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý, địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc của cổ đông;
 - (ii) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của từng người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là cá nhân);
 - (iv) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là tổ chức);
 - (v) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - (vi) Họ, tên, chữ ký của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là cá nhân) hoặc người đại diện theo pháp luật của đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là tổ chức).
- d. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - (i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - (ii) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

2. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần

được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- b. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây nếu Công ty không nhận được thông báo bằng văn bản và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc:
- (i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (iii) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong danh sách bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (trong trường hợp bổ nhiệm các chức danh này);
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các

cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên (sáu mươi lăm phần trăm) **65%** tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ (năm mươi một phần trăm) **51%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định

tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập trong trường hợp này được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức trực tiếp hoặc trực tuyến. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
 - b. Không bị ảnh hưởng bởi quy định tại Điều lệ này, đối với các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin ứng dụng trong việc biểu quyết, thu thẻ biểu quyết của cổ đông để tạo thuận lợi cho cổ đông.
 - c. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm

phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp về các nội dung sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ;
 - b. Định hướng phát triển Công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính Công ty hàng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều này và khoản 9 Điều 22 của Điều lệ này.
 - a. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- 4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5, 6 Điều này và khoản 9 Điều 22 của Điều lệ này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Công ty
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi về quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên biểu quyết tán thành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện tương tự quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa

chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ Người quản lý doanh nghiệp của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này (trừ điểm (i) khoản này). Biên bản họp ghi rõ

việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông (nếu họp trực tiếp) hoặc danh sách cổ đông đăng ký dự họp được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến (nếu họp trực tuyến), văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 dưới đây, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 21 Điều lệ này.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định sau:

- a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - (i) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ;
 - (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (iii) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - (i) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (ii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
 - (iii) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - (i) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- (ii) Trừ trường hợp quy định tại tiết (i) điểm c khoản 4 của Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng; Quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 và khoản 8 Điều 43 của Điều lệ này;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định

việc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó;

Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ứng cử viên Hội đồng quản trị ở công ty khác mà Công ty có vốn đầu tư (Công ty là thành viên góp vốn hoặc cổ đông), quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Kiến nghị ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp;
 - r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ gây

thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị để bàn và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của đa số các thành viên Hội đồng quản trị đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc ngày hiệu lực của Quyết định của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
 6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị

được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở

trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Hội đồng quản trị được quyền thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 27 Điều lệ này. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về giao dịch với người có liên quan được thông qua theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này và Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có 01 Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm sẽ đương nhiên hết hiệu lực nếu hợp đồng lao động ký giữa Giám đốc và Công ty chấm dứt.
4. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
5. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định, nghị quyết và quyết định do Hội đồng quản trị ban hành;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cần trọng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng

quản trị và quy định của pháp luật.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
7. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau:
 - a. Hợp đồng, giao dịch với các đối tượng theo quy định tại khoản 6 Điều này và có giá trị giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó;

- c. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

8. Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 6 Điều này và có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó;
- c. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
- d. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- e. Các giao dịch quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 8 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải

trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

9. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
10. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty xem xét bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp

và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - đ. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công

ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 59 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024.
2. Điều lệ được lập thành tám (08) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Hoài



PHỤ LỤC
NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

1. Những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty” hoặc “IDICO-SHP”), gồm:

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị sau khi được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức chính thức vào ngày 12 tháng 5 năm 2021.</p>	<p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty” hoặc “IDICO-SHP”) được thành lập và hoạt động hợp pháp theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật Việt Nam. Điều lệ này cùng các quy định của Công ty, các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị sau khi được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với quy định pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p><u>Điều lệ này được thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần thứ 6 ngày 24/4/2024.</u></p> <p>Điều lệ này được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty được tổ chức chính thức vào ngày 24/4/2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 24/4/2024 (“Điều lệ”).</p>	
<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1.</p> <p>a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác của Công ty theo quy định</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1.</p> <p>a. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác của Công ty</p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>của Điều lệ này và các văn bản nội bộ của Công ty;</p> <p>i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>n. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;</p> <p>o. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p> <p>3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	<p>theo quy định của Điều lệ này và các văn bản nội bộ của Công ty, theo Quyết định của HĐQT;</p> <p>i. "Người có liên quan" là <u>tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định cụ thể tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp</u>; cá nhân, tổ chức <u>có quan hệ với nhau theo các trường hợp</u> được quy định <u>cụ thể</u> tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>m. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại <u>khoản 5 Điều 2 Điều lệ này</u>;</p> <p>n. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con <u>của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam</u>.</p> <p>3. Các tiêu đề (<u>Chương</u>, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty: Tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN SROK PHU MIENG IDICO Tiếng Anh: IDICO SROK PHU MIENG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY Viết tắt: IDICO - SHP</p> <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty: a. <u>Tên Công ty bằng Tiếng Việt</u>: CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN SROK PHU MIENG IDICO b. <u>Tên Công ty bằng Tiếng Anh</u>: IDICO SROK PHU MIENG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY c. <u>Tên Công ty viết tắt</u>: IDICO - SHP</p> <p>2. <u>IDICO-SHP</u> là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa</p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p>	<p>bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với <u>ngறி quyết</u>, quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p>	
<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:</p> <p>a. Là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.</p> <p>c. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.</p> <p>đ. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm b,c,d khoản 2 Điều này.</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. <u>Công ty có một (01)</u> Người đại diện theo pháp luật giữ chức vụ là Giám đốc.</p> <p>2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:</p> <p>a. <u>Quyền hạn của Người đại diện theo pháp luật:</u> (i) Là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty; (ii) Đại diện cho Công ty với tư cách <u>người yêu cầu giải quyết việc dân sự</u>, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật; (iii) <u>Các quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng lao động (nếu có).</u></p> <p>b. <u>Nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:</u> (i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty. (ii) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; (iii) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác. (iv) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại tiết (i), (ii) và (iii) điểm b khoản 2 Điều này.</p>	<p>Ghi rõ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp (Luật DN).</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng lao động (nếu có).	(v) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng lao động (nếu có).	
<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty</p> <p>...</p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo lợi nhuận tối đa cho Công ty. - Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. - Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông. - Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. - Đóng góp cho ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương. 	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty</p> <p>...</p> <p><u>Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh tùy theo nhu cầu hoạt động và phù hợp quy định của pháp luật. Các điều chỉnh về ngành nghề kinh doanh (nếu phát sinh) sẽ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty theo quy định của pháp luật và sẽ được cập nhật vào Điều lệ trong lần sửa đổi, bổ sung gần nhất.</u></p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. <u>Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông; hoàn thành các nhiệm vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</u> b. Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh; c. Đóng góp cho ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương; d. <u>Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty.</u> 	<p>Bổ sung để làm rõ quyền được điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty theo quy định của Luật DN.</p>
<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này <u>đã đăng ký</u>, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp <u>quốc gia</u>.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề <u>đã đăng ký như</u> quy định tại Điều lệ này, <u>và các ngành nghề đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh</u> với cơ quan đăng ký kinh doanh <u>về điều chỉnh ngành nghề</u> và đã công bố trên Cổng thông tin <u>quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nếu pháp luật có yêu cầu. Đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều lệ mẫu trong Thông tư 116 và Luật Đầu tư.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 450.000.000.000 VND (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 45.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 450.000.000.000 VND (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 45.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND một cổ phần (10.000 VND/ cổ phần).</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. <u>Khi có sự thay đổi vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì khoản 1 Điều này mặc nhiên được sửa đổi để ghi nhận vốn điều lệ được điều chỉnh theo nội dung của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đó.</u></p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. <u>Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua.</u> Số cổ phần mà cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>	<p>Bổ sung để tránh hiểu nhầm rằng việc sửa đổi điều lệ để ghi nhận vốn điều lệ mới phải có 01 nghị quyết ĐHĐCĐ về việc sửa đổi điều lệ.</p> <p>Hiện tại, Công ty chỉ có cổ phần phổ thông, do đó, đề nghị xóa bỏ “cổ phần ưu đãi (nếu có)”.</p> <p>Bổ sung để làm rõ nội dung liên quan đến việc thông báo chào bán cổ phần.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p>	<p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định <u>tại Điều 10 của Điều lệ này</u> và pháp luật hiện hành.</p>	
<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 2. Cổ phiếu là loại chứng khoán <u>do Công ty phát hành</u>, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của <u>Công ty</u>. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn <u>30</u> ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc <u>kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc có thể lâu hơn tùy theo phương án phát hành)</u>, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. <u>Trường hợp chỉ chuyển nhượng một phần cổ phiếu trong chứng nhận cổ phiếu, chứng nhận cũ sẽ bị hủy bỏ và Công ty tiến hành cấp chứng nhận cổ phiếu mới tương ứng phần không chuyển nhượng.</u></p> <p>5. <u>Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.</u></p> <p>6. Trường hợp cổ phiếu bị mất, <u>bị đánh cắp, bị tẩy xóa, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác</u> thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông</p>	<p>Sử dụng chung 01 mốc thời gian để thuận tiện trong việc áp dụng.</p> <p>Bổ sung khoản 4 để làm rõ hơn khoản 3 Điều này.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật DN.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>dung sau đây: a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p>	<p>phải bao gồm các nội dung sau đây: a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, <u>bị đánh cắp, bị tẩy xóa, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả lại cho Công ty để tiêu hủy;</u></p>	<p>Bổ sung để hạn chế tranh chấp phát sinh giữa cổ đông và Công ty.</p>
<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. <u>Những hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của Công ty quy định tại Điều lệ này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></p> <p>3. <u>Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trong trường hợp cổ đông bị chết, những người thừa kế của cổ đông bị chết phải có một văn bản thỏa thuận để chỉ định người hoặc một số người đại diện cho số cổ phần của cổ đông bị chết, trong thỏa thuận phải nêu rõ mỗi người sẽ đại diện cho bao nhiêu cổ phần. Trường hợp cổ phần của cổ đông bị chết mà không có người thừa kế hoặc không xác định được người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. Khi đó, việc thực hiện quyền liên quan đến số cổ phần của cổ đông bị chết sẽ tạm ngừng cho đến khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xác định người hoặc những người có quyền đại diện cho số cổ phần của Cổ đông bị chết hoặc những người thừa kế đạt được sự thỏa thuận.</u></p> <p>4. <u>Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 127 Luật DN.</p> <p>Bổ sung quy định về thay đổi cổ đông trong trường hợp cổ đông chết theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 127 Luật DN.</p> <p>Bổ sung trường hợp được</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.</u></p>	<p>tặng, cho cổ phần theo quy định tại khoản 5 Điều 127 Luật DN.</p>
<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>	<p>Xóa bỏ nội dung này</p>	<p>Trường hợp thu hồi cổ phần do cổ đông chưa thanh toán đủ này chỉ áp dụng đối với trường hợp CTCP mới thành lập, IDICO-SHP đã hoạt động từ tháng 02/2008.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Điều lệ 2021 không quy định</p>	<p>Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và theo yêu cầu của cổ đông</p> <p>1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>a. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:</p> <p>(i) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng; Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của Luật Chứng khoán;</p> <p>(ii) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty không quy định và Cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;</p> <p>(iii) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự và thủ tục sau đây:</p> <p>(iii-1) Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;</p> <p>(iii-2) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Công ty gửi thông báo về việc mua lại cổ phần cho Cổ đông. Văn bản</p>	<p>Bổ sung các trường hợp mua lại cổ phần theo quy định của Điều 132, 133 Luật DN như:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty; 2. Công ty Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty (ESOP); 3. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p> <p>b. Việc Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình đã phát hành theo quy định tại điểm (a) khoản 1 nêu trên chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại; (ii) Đáp ứng đủ nguồn vốn để mua lại cổ phiếu; (iii) Chỉ định công ty chứng khoán thực hiện giao dịch; (iv) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật liên quan về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; (v) Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật Chứng khoán. <p>c. Việc mua lại cổ phiếu được miễn trừ điều kiện quy định tại các tiết (i), (ii), (iii) và (iv) điểm (b) khoản 2 của Điều này trong các trường hợp: (i) mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của Cổ đông theo quy định tại khoản 4 của Điều này và Điều 132 của Luật Doanh nghiệp, hoặc (ii) mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty, hoặc (iii) mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.</p> <p>d. Công ty sẽ tiến hành các thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với</p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.</p> <p>2. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty thì:</p> <p>a. Tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được Công ty mua lại để giảm vốn điều lệ phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;</p> <p>b. Công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>3. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:</p> <p>a. Cổ đông đã biểu quyết phản đối không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty tại từng thời điểm trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 12. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: c. <u>Được</u> ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác (<u>không bao gồm cổ phần ưu đãi mà Công ty đã phát hành tùy mỗi thời điểm, mà theo quy định của pháp luật là bị hạn chế chuyển nhượng</u>);</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại <u>khoản 3 Điều 10 của Điều lệ này và Điều 132 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 <u>và 4</u> Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;;</p>	<p>IDICO-SHP là CTCP thành lập đã quá 03 năm, do đó các hạn chế chuyển nhượng này đã không còn hiệu lực. Thay vào đó, sẽ có những hạn chế chuyển nhượng dành cho cổ phần phát hành cho người lao động khi cổ phần hóa hoặc các cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật.</p>
<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 3. Tuân thủ Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty <u>và các quy định khác của Công ty có liên quan.</u></p>	
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. <u>Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý</u></p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	<p>=> HDQT/ BKS là các cơ quan</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p><u>hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u></p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>đ. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành</p>	<p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại điểm (a) khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.</u> Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ: <u>họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/hoặc Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu phải có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</u></p> <p>d. <u>Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u></p>	<p>chịu trách nhiệm quản lý, điều hành và giám sát hoạt động của Công ty, khi có sự sụt giảm bất thường về vốn chủ sở hữu thì 01 trong 02 cơ quan này có nghĩa vụ phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để báo cáo và tìm cách xử lý. Việc HĐQT/ BKS triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường như vậy đã được quy định tại điểm a và điểm d của Điều này. Vì vậy, đề nghị xóa bỏ điểm này.</p> <p>Bổ sung để làm rõ.</p> <p>Ngoài việc giám sát hoạt động của HĐQT, BKS còn giám sát, đánh giá các vấn đề về quản lý, vận hành doanh nghiệp và có quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ khi có những vấn</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị</u> hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>điểm d và điểm đ</u> khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại <u>điểm b</u> khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>điểm c hoặc d</u> khoản 3 Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. <u>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</u></p>	<p>đề phát sinh trong hoạt động của Công ty mà thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ (Theo Điều 170 Luật DN). Do đó, đề xuất không giới hạn quyền yêu cầu triệu tập của BKS.</p> <p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 140 và khoản 3 Điều 155 Luật DN.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật DN</p>
<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>g. Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>g. Quyết định mua lại <u>trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần</u> đã bán của mỗi loại;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>Sửa đổi theo điểm g khoản 2 Điều 138 Luật DN.</p> <p>Sửa đổi khoản này thành các vấn đề được thảo luận và thông qua tại ĐHCĐ thường niên cho thống nhất với khoản 3 Điều 139 Luật DN.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q. Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. <u>Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u></p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>4. <u>Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu/ lấy ý kiến bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. <u>Các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 8 Điều 43 của Điều lệ này nếu cổ đông hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch; hoặc</u></p> <p>b. <u>Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở Giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ cho Điều 43 Điều lệ, đảm bảo tuân thủ Điều 167 Luật DN, Điều 293 Nghị định 155/2020.</p>
<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><u>Điều 16. Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>1. <u>Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông:</u></p> <p>a. <u>Tất cả các Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân đều có quyền cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>b. <u>Ủy quyền của Cổ đông là tổ chức:</u></p> <p>(i) <u>Cổ đông là tổ chức có quyền cử một (01) hoặc một số đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một (01) đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản gửi đến Công ty trong thời hạn sớm nhất theo quy định của pháp luật. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông; - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền; - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá 	<p>Theo quy định của Bộ luật Dân sự, cổ đông (bao gồm tổ chức và cá nhân) được ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, bên cạnh việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ. Do đó, bổ sung quy định này để áp dụng cho các trường hợp cổ đông ủy quyền cho tổ chức/cá nhân khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại Công ty.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>nhân của từng người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là cá nhân); Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là tổ chức);</u></p> <p><u>- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;</u></p> <p><u>- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là cá nhân) hoặc người đại diện theo pháp luật của đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là tổ chức).</u></p> <p><u>(ii) Tổ chức là cổ đông của Công ty mà sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện.</u></p> <p><u>c. Việc ủy quyền của cổ đông là cá nhân cũng phải được thực hiện bằng văn bản theo hình thức quy định của pháp luật. Nội dung văn bản chỉ định người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải đảm bảo bao gồm các nội dung sau đây và theo quy định của pháp luật:</u></p> <p><u>(i) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý, địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc của cổ đông;</u></p> <p><u>(ii) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;</u></p> <p><u>(iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của từng người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là cá nhân);</u></p> <p><u>(iv) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính (áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền là tổ chức);</u></p> <p><u>(v) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;</u></p> <p><u>(vi) Họ, tên, chữ ký của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là cá nhân) hoặc người đại diện theo pháp luật của đại diện theo ủy quyền (áp dụng đối với đại diện theo ủy quyền là tổ chức).</u></p>	

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc</p>	<p>d. <u>Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u></p> <p>(i) <u>Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;</u></p> <p>(ii) <u>Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>2. <u>Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <p>a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. <u>Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</u></p> <p>Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp <u>trước khi vào phòng họp</u>. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>b. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây <u>nếu Công ty không nhận được thông báo bằng văn bản và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc:</u></p> <p>(i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; (ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; (iii) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo <u>bằng văn bản</u> về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ <u>thường trú</u>, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu <u>hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; <u>danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong danh sách bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (trong trường hợp bổ nhiệm các chức danh này);</u></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ <u>liên lạc</u>, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>
<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. <u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập trong trường hợp này được coi là họp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</u></p>	
<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ cuộc họp;</u></p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <u>Cuộc họp đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức trực tiếp hoặc trực tuyến.</u> Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;</p>	<p>Các nội dung này được sắp xếp lại, đưa xuống khoản 5 Điều 20 này để phù hợp với trình tự của cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>b. <u>Không bị ảnh hưởng bởi quy định tại Điều lệ này, đối với các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin ứng dụng trong việc biểu quyết, thu thẻ biểu quyết của cổ đông để tạo thuận lợi cho cổ đông.</u></p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>d. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. <u>Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.</u> Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>Bổ sung để dự phòng cho các trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến.</p>
<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p>2. <u>Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp về các nội dung sau:</u></p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ;</p> <p>b. Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Luật DN.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật DN.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.</p>	<p><u>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u> <u>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u> <u>f. Thông qua báo cáo tài chính Công ty hàng năm;</u> <u>g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</u></p> <p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều này và khoản 9 Điều 22 của Điều lệ này.</p> <p>4. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 5, 6 Điều này và khoản 9 Điều 22 của Điều lệ này.</p> <p>5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, <u>theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật DN.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>4. ...</p>	<p>hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử của Công ty.</p> <p>6. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi về quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên biểu quyết tán thành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p>7. ...</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật DN.</p>
<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề <u>sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.</u></p>	<p>Dẫn chiếu về khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>4. ...</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: ...</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất <u>mười (10)</u> ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện <u>tương tự</u> quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>4. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</u></p> <p>5. ...</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ <u>Người quản lý doanh nghiệp</u> của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: ...</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.</u></p>	<p>Bổ sung để đảm bảo cổ đông được lấy ý kiến bằng văn bản thừa nhận và chịu trách nhiệm với ý kiến biểu quyết của mình.</p> <p>Bổ sung để làm rõ.</p>
<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. ...</p> <p>i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc</p>	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. ...</p> <p>i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này (<u>trừ điểm (i) khoản</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>này). Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông (<u>nếu họp trực tiếp</u>) hoặc danh sách cổ đông đăng ký dự họp được hệ thống <u>bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến (nếu họp trực tuyến)</u>, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>
<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <u>Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>2. <u>Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 dưới đây, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</u></p> <p>3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng</p>	<p>Bổ sung để làm rõ tính hiệu lực của nghị quyết trong trường hợp có yêu cầu tuyên bố vô hiệu.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 4 Điều 21 Điều lệ này</u>.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 7 Điều 21 Điều lệ này</u>.</p> <p><u>b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</u></p>	
<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. ...</p> <p>g. <u>Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</u></p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử <u>tối đa năm (05) ứng viên.</u></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</u></p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. ...</p> <p>g. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được <u>quyền</u> đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được <u>quyền</u> đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử <u>đủ số lượng ứng viên.</u></u></p> <p><u>Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền <u>gộp số phiếu có quyền biểu quyết</u> để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông <u>hợp thành nhóm</u> để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp <u>biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</u></u></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định <u>sau:</u></p> <p>a. <u>Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>b. <u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và không</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại <u>khoản 5 Điều 115 Luật DN.</u></p> <p>Ghi rõ theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 155 Luật DN.</u></p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty; <u>c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác.</u></p>	
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u> Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. <u>Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</u></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong <u>các trường hợp sau:</u></p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong <u>trường hợp Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p> <p>a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: (i) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ; (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận; (iii) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>IDICO-SHP là công ty đại chúng chưa niêm yết, không có quy định bắt buộc phải có thành viên độc lập HĐQT.</p> <p>Bổ sung để làm rõ.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>không còn năng lực hành vi dân sự; d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; e. Thành viên đó được cổ đông là tổ chức quyết định không cử tham gia Hội đồng quản trị; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về <u>chứng khoán</u> và thị trường chứng khoán.</p>	<p>trong các trường hợp sau: (i) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; (ii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ; (iii) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. c. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: (i) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; (ii) Trừ trường hợp quy định tại tiết (i) điểm c khoản 4 của Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p> <p>5. Việc bổ nhiệm, <u>miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế</u> thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về <u>công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</u>.</p>	
<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: d. ...</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: d. ... e. <u>Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng; Quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 153 Luật DN.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>đ. ...</p> <p>e. ...</p> <p>g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng và người quản lý khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>i. ...</p> <p>k. ...</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. ...</p> <p>n. ...</p> <p>o. ...</p>	<p>f. ...</p> <p>g. ...</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty <u>trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 và khoản 8 Điều 43 của Điều lệ này</u>;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định việc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó;</u> Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc <u>ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ứng cử viên Hội đồng quản trị ở công ty khác mà Công ty có vốn đầu tư (Công ty là thành viên góp vốn hoặc cổ đông)</u>, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. ...</p> <p>k. ...</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến <u>cổ đông bằng văn bản</u> để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. ...</p> <p>n. ...</p> <p>o. ...</p>	<p>Quy định tại điểm h khoản 2 Điều 153 Luật DN. Trong Điều lệ này đã có quy định về các giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, nên tham chiếu đến các điều khoản đó để tránh gây nhầm lẫn.</p> <p>Đối với Công ty do IDICO-SHP là chủ sở hữu 100%, HĐQT của IDICO-SHP được quyền quyết định các vấn đề này theo quy định của Luật DN.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>p. <u>Quyết định</u> ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>q. ...</p>	<p>p. <u>Kiến nghị</u> ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>q. <u>Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp;</u></p> <p>r. ...</p> <p>4. <u>Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</u></p> <p>5. <u>Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ, HĐQT phải là cơ quan giải quyết tranh chấp giữa Công ty và người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 153 Luật DN.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 153 Luật DN.</p>
<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị để bàn và</p>	<p>Bổ sung để làm rõ thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. ...</p> <p>đ. ...</p> <p>e. ...</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p><u>quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường;</u></p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; <u>thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của đa số các thành viên Hội đồng quản trị đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d. ...</p> <p>e. ...</p> <p>f. <u>Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>g. ...</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm <u>hoặc ngày hiệu lực của Quyết định của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u></p> <p>6. <u>Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p>a. <u>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</u></p> <p>b. <u>Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</u></p> <p>c. <u>Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>Bổ sung để đảm bảo Chủ tịch HĐQT lưu ý về vấn đề này.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật DN.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>quản trị công ty;</p> <p>d. <u>Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</u></p> <p>e. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ.</u></p>	
<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát <u>hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u></p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>05 ngày làm việc</u> trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>03 ngày làm việc</u> trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử <u>hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định quy định</u> và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p><u>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau</u></p>	<p>IDICO-SHP là công ty đại chúng chưa niêm yết, không có quy định bắt buộc phải có thành viên độc lập HĐQT.</p> <p>Bổ sung cơ chế họp HĐQT trực tuyến để tạo thuận lợi cho cuộc họp HĐQT.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>13. <u>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</u></p>	<p>với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. <u>Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u></p> <p>b. <u>Phát biểu với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ toạ cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</u></p> <p>12. <u>Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u></p> <p>13. <u>Hội đồng quản trị được quyền thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 27 Điều lệ này. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p> <p>Bổ sung để làm rõ.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u></p> <p>14. <u>Nghị quyết của Hội đồng quản trị về giao dịch với người có liên quan được thông qua theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này và Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 167 Luật DN.</p>
<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. <u>Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u> Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p>	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p>	<p>Nội dung: “Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị /thành viên Hội đồng quản trị không điều hành ... được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.”</p> <p>=> Đây chỉ là khuyến nghị của Thông tư 116, không phải quy định. Đề xuất xóa bỏ nội dung này để tránh tạo quá nhiều ràng buộc cho Công ty.</p>
<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản</p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Việc bổ nhiệm sẽ đương nhiên hết hiệu lực nếu họp đồng lao động ký giữa Giám đốc và Công ty chấm dứt.</u></p> <p><u>4. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>5. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản</p>	<p>Bổ sung để làm rõ. Về nguyên tắc, khi HĐLĐ giữa Giám đốc và Công ty bị chấm dứt thì việc bổ nhiệm phải chấm dứt để tránh những vấn đề pháp lý phát sinh.</p> <p>Bổ sung để làm rõ.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>trị;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>5. ...</p>	<p>trị; <u>bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định, nghị quyết và quyết định do Hội đồng quản trị ban hành;</u></p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; <u>kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p>6. ...</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>
<p>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Thành viên đó được cổ đông là tổ chức quyết định không cử tham gia Ban kiểm soát;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.</p>	<p>Đây là các trường hợp miễn nhiệm thành viên BKS theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Luật DN. Trường hợp không được cổ đông đề cử nữa thì cổ đông yêu cầu đưa nội dung đó vào chương trình ĐHĐCĐ, ĐHĐCĐ nếu thông qua sẽ ban hành nghị quyết về việc bãi nhiệm theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.</p>
<p>CHƯƠNG X</p> <p>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công</p>	<p>CHƯƠNG X</p> <p>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Điều 42. <u>Trách nhiệm cẩn trọng</u></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
ty.	<p>Công ty.</p> <p>2. <u>Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.</u></p>	
<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 5. ...</p>	<p>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 5. ...</p> <p>6. <u>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan sau đây:</u></p> <p>a. <u>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;</u></p> <p>b. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;</u></p> <p>c. <u>Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>7. <u>Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau:</u></p> <p>a. <u>Hợp đồng, giao dịch với các đối tượng theo quy định tại khoản 6 Điều này và có giá trị giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u></p> <p>b. <u>Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó;</u></p> <p>c. <u>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát,</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật DN.</p> <p>Bổ sung để làm rõ các trường hợp giao dịch với người liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT (khoản 2 Điều 167 Luật DN).</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</u></p> <p><u>Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</u></p> <p>8. <u>Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</u></p> <p>a. <u>Hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 6 Điều này và có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u></p> <p>b. <u>Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó;</u></p> <p>c. <u>Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</u></p> <p>d. <u>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ các trường hợp giao dịch với người liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ (khoản 3, 4 Điều 167 Luật DN).</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện</p>	<p><u>mà giá trị của giao dịch bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</u></p> <p><u>e. Các giao dịch quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 8 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>9. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện</p>	<p>Áp dụng tỷ lệ chuẩn là 35% để xác định theo quy định của Luật DN, đồng thời phù hợp với điểm a khoản 7 và điểm a khoản 8 Điều này mới được bổ sung.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>giao dịch đầu tiên có giá trị từ <u>20%</u> trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	<p>giao dịch đầu tiên có giá trị từ <u>35%</u> trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>10. <u>Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật; người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</u></p> <p>11. <u>Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 167 Luật DN.</p>
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	Điều 47. Phân phối lợi nhuận	
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	Điều 48. Tài khoản ngân hàng	
<p>Điều 48. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. <u>Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ngày 12 tháng 02 năm 2008) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.</u></p>	<p>Điều 49. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.</p>	<p>Nội dung: “Năm tài chính đầu tiên ... và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008” => Đề xuất xóa bỏ nội dung này do IDICO-SHP đã thành lập từ 02/2008.</p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 49. Chế độ kế toán	Điều 50. Chế độ kế toán	
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	
Điều 51. Báo cáo thường niên	Điều 52. Báo cáo thường niên	
Điều 52. Kiểm toán	Điều 53. Kiểm toán	
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	
Điều 54. Giải thể công ty	Điều 55. Giải thể công ty	
Điều 55. Thanh lý	Điều 56. Thanh lý	
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	
Điều 57. Điều lệ công ty	Điều 58. Điều lệ công ty	
Điều 58. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương <u>58</u> Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày <u>12</u> tháng 5 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều 59. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương <u>59</u> Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày <u>24</u> tháng 4 năm 2024.	

2. Ngoài các sửa đổi, bổ sung tại Mục 1 của Phụ lục này, Điều lệ mới có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, diễn đạt, thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Điều lệ (không làm thay đổi ý nghĩa).

3. Sau khi điều chỉnh hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Điều lệ mới cũng được thay đổi tương ứng.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Số: 12 /TTr-HĐQT

Bình Phước, ngày 03 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”) được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021 (“Điều lệ”);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/5/2021 (“Quy chế quản trị”);

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành; việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý, vận hành của Công ty,

Nhằm mục tiêu hoàn thiện Điều lệ và các quy chế của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông toàn văn dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi, bổ sung và các nội dung sửa đổi chính trong Quy chế quản trị được nêu cụ thể tại “*Phụ lục những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty*” đính kèm.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

1. Thông qua dự thảo Quy chế quản trị sửa đổi, bổ sung của Công ty. Quy chế quản trị sửa đổi, bổ sung này sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế quản trị hiện hành.


2. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết và ký ban hành Quy chế quản trị sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định pháp luật.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.




Nguyễn Văn Thịnh





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**

Năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt.....	3
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ	5
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.....	5
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	12
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	13
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT	17
Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT	18
Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT.....	20
Điều 10. Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT	21
Điều 11. Các tiểu ban thuộc HĐQT	24
CHƯƠNG IV: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	25
Điều 12. Người phụ trách quản trị công ty	25
CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT	26
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS	26
Điều 14. Thành phần Ban kiểm soát.....	26
Điều 15. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 16. Cách thức bầu thành viên BKS, công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS	27
Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	27
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS.....	27
CHƯƠNG VI: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 19. Giám đốc.....	28
Điều 20. Người điều hành khác	28
CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC	29
Điều 21. Nguyên tắc làm việc	29
Điều 22. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS, Giám đốc.....	29
Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, Giám đốc.....	31

Điều 24 . Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT, BKS.....	32
CHƯƠNG VIII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ	32
Điều 25. Bổ sung, sửa đổi Quy chế.....	32
CHƯƠNG IX: NGÀY HIỆU LỰC	32
Điều 26. Hiệu lực thi hành.....	32

Bình Phước, ngày 24 tháng 4 năm 2024

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 6 ngày 24/4/2024;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cổ đông Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan;
- Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan được nêu tại Quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

- Các chữ viết tắt:

“Công ty” hay “IDICO-SHP”: là Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

“HĐQT” : Hội đồng quản trị.

“ĐHĐCĐ” : Đại hội đồng cổ đông.

“BKS” : Ban kiểm soát.

“Đại biểu” : Cổ đông có quyền biểu quyết, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.

“UBCKNN” : Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

“HNX” : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

“VSDC” : Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu:

a. “Quản trị Công ty” là hệ thống nguyên tắc, bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của IDICO-SHP.

b. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

c. “Điều lệ” là Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO, được thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần thứ 6 ngày 24/4/2024;

d. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;

đ. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;

e. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ của Công ty;

g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ của Công ty, theo Quyết định của HĐQT.

h. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i. “Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc; Phó giám đốc; Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ hoặc được ĐHĐCĐ phê chuẩn hoặc theo quyết định của HĐQT;

k. “Thành viên HĐQT độc lập” là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và đảm bảo được các điều kiện làm thành viên HĐQT độc lập của công ty cổ phần được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế nó. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ:

Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:

Công ty phải lập và công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày xác định cổ đông được quyền tham gia dự họp ĐHĐCĐ. Công ty gửi thông báo và các tài liệu liên quan đến HNX và VSDC thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông.

4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:

a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (website: www.idico-shp.com.vn) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

b. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu liên quan không được gửi kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ, thì thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử và đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận tài liệu

5. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:

a. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

b. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

d. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm c khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- (i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;
- (ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ;
- (iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- (iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

đ. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm c khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường

hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ Công ty phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây nếu Công ty không nhận được thông báo bằng văn bản và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:

a. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

(i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

(ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

(iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

(iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử và phương tiện khác theo quy định của pháp luật và quy định của IDICO.

b. Trường hợp IDICO-SHP áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, IDICO-SHP phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một

cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn Cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

c. Trước khi khai mạc cuộc họp, IDICO-SHP phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông như quy định trong Thông báo mời họp ĐHĐCĐ và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông đến tham dự đại hội trực tiếp phải mang theo giấy tờ được quy định tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Cổ đông tham gia.

d. Khi tiến hành đăng ký tham dự, IDICO-SHP cung cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự trực tiếp ĐHĐCĐ một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó có các nội dung về số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Việc đăng ký tham dự trực tiếp ĐHĐCĐ được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

e. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ sau khi cuộc họp đã khai mạc (“**Đại biểu đến muộn**”) có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước khi Đại biểu đến muộn tham dự không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành:

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành trực tiếp hoặc thông qua hình thức trực tuyến hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam khi có số cổ đông dự họp đại diện trên sáu mươi lăm (**65%**) tổng số phiếu biểu quyết.

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.a Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ năm mươi mốt (**51%**) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.b Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập trong trường hợp này được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ:

a. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp về các nội dung sau:

- (i) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ IDICO-SHP;
- (ii) Định hướng phát triển IDICO-SHP;

- (iii) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- (iv) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- (v) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của IDICO-SHP;
- (vi) Thông qua báo cáo tài chính Công ty hằng năm;
- (vii) Tổ chức lại, giải thể IDICO;
- (viii) Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ.

c. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 22 Điều lệ, trừ các vấn đề phải thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu trực tiếp:

a. ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Các hình thức biểu quyết:

ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ với hình thức phù hợp với diễn biến phiên họp, cụ thể:

(i) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: các nội dung biểu quyết chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết, các Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng mà mình lựa chọn (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) có sẵn trên Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải ghi rõ số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Sau đó, Cổ đông, đại diện theo ủy quyền (Đại biểu) bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu đặt tại nơi bỏ phiếu.

(ii) Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết (thẻ Tán thành, Không tán thành, hoặc không có ý kiến) tại ĐHĐCĐ để biểu quyết theo từng nội dung cụ thể.

Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung biểu quyết sẽ được thông báo kết quả tại Đại hội.

(iii) Cách thức bỏ phiếu của hình thức bầu dồn phiếu: Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

11. Cách thức kiểm phiếu trực tiếp:

a. Cách thức kiểm phiếu trong trường hợp biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Các tình trạng “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” sẽ được tổng hợp riêng. Đối với trường hợp bỏ phiếu trực tuyến, Ban kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Quy chế này. Phiếu biểu quyết trực tuyến được tổng hợp cùng với các Phiếu biểu quyết được phát trực tiếp tại ĐHĐCĐ.

b. Cách thức kiểm phiếu trong trường hợp biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: được tiến hành bằng cách thu Thẻ biểu quyết tán thành trước, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng Ban kiểm phiếu tập hợp số Thẻ biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Thẻ biểu quyết trực tuyến được tổng hợp cùng với các Thẻ biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ.

c. Đối với phương thức bầu dồn phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các Đại biểu.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi Đại biểu cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

- Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

d. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu Đại biểu có yêu cầu, IDICO-SHP phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 9 Điều 22 Điều lệ Công ty.

- Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- Tổ chức lại, giải thể Công ty;

- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

b. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên sáu mươi lăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 12 Điều này; các khoản 5, 6 Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 9 Điều 22 Điều lệ Công ty

c. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ và quy chế bầu cử IDICO-SHP.

d. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi về quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên biểu quyết tán thành tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

đ. Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu về từng nội dung cho Chủ tọa. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ:

a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 14 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty tại từng thời điểm trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

c. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

(i) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 21 Điều lệ Công ty.

(ii) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ:

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

b. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

c. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

d. Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ.

đ. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông (nếu họp trực tiếp) hoặc danh sách cổ đông đăng ký dự họp được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến (nếu họp trực tuyến), văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có), nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến:

Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ như quy định tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

a. Điều kiện tham gia họp ĐHĐCĐ:

- (i) Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ;
- (ii) Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đủ điều kiện tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ.

b. Yêu cầu kỹ thuật: Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (bao gồm nhưng không giới hạn máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).

c. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến: Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

d. Đại biểu thực hiện truy cập vào hệ thống tham dự ĐHĐCĐ sau khi cuộc họp đã khai mạc ("**Đại biểu đến muộn**") có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội đối với các vấn đề chưa được biểu quyết. Hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước khi Đại biểu đến muộn tham dự ĐHĐCĐ không thay đổi.

3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử tại ĐHĐCĐ trực tuyến:

a. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập khác do HĐQT quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin, việc quản lý, sử dụng các thông tin đã đăng ký, đã được cung cấp này.

b. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email hoặc điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được gửi đến địa chỉ email hoặc số điện thoại được ghi nhận tại thông tin Cổ đông trong danh sách

cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ do Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập.

c. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

a. Cổ đông thực hiện ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Quy chế này.

b. Ngoài các quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, Cổ đông phải cung cấp đầy đủ thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ email của người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và thông tin khác theo yêu cầu của IDICO-SHP. Đây là cơ sở để Công ty cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông.

c. Hiệu lực của việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn toàn bộ các điều kiện sau:

- (i) Cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu Giấy ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thủ tục ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến theo quy định của Điều này;
- (ii) Cổ đông gửi bản chính Giấy ủy quyền đã điền đầy đủ các thông tin theo quy định tại Điều này, đã có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền đến IDICO-SHP theo địa chỉ do IDICO-SHP thông báo;
- (iii) IDICO-SHP nhận được Giấy ủy quyền bản chính trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.

d. Hủy bỏ, chấm dứt việc ủy quyền dự họp và biểu quyết ĐHĐCĐ trực tuyến: Trong trường hợp Cổ đông chấm dứt việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ, Cổ đông phải gửi văn bản chính thức về việc chấm dứt Giấy ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến cho IDICO-SHP trước thời điểm Đại hội khai mạc chính thức.

Mọi vấn đề, nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến đã được đại diện ủy quyền tiến hành bỏ phiếu biểu quyết sẽ vẫn có hiệu lực nếu IDICO-SHP nhận được văn bản chính thức về việc hủy bỏ, chấm dứt Giấy ủy quyền sau thời điểm biểu quyết.

5. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến:

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Quy chế này.

6. Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến:

a. Nguyên tắc:

- (i) Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ;

- (ii) Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- (iii) Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của Đại hội;
- (iv) Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- (i) Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- (ii) Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được IDICO-SHP trả lời sau.

7. Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến:

ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

8. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- (i) Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến đối với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- (ii) Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- (i) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” và ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” đối với mỗi ứng cử viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- (ii) Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại điểm a khoản 8 Điều này.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- (i) Trường hợp Đại biểu không thực hiện biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- (ii) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình họp ĐHĐCĐ đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực

hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

(iii) Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình họp ĐHĐCĐ. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của ĐHĐCĐ.

(iv) Trong trường hợp Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu do Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

(v) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại Đại hội. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

9. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

a. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số phiếu biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không có ý kiến.

b. Đối với bầu dồn phiếu thì cách thức kiểm phiếu được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc quy định tại điểm b (i) khoản 8 Điều 6 Quy chế này.

10. Thông báo kết quả kiểm phiếu trực tuyến:

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận trên hệ thống như quy định tại khoản 9 Điều 6 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa hoặc Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

a. Thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ Công ty.

b. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

12. Công bố Nghị quyết họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

Thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 4 Quy chế này.

13. Thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến:

Trường hợp IDICO-SHP tổ chức họp ĐHĐCĐ nhằm thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến, trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết được thực hiện như sau:

a. Thủ tục thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này;

- b. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 và khoản 2 Điều 6 Quy chế này;
- c. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 và khoản 4 Điều 6 Quy chế này;
- d. Điều kiện tiên hành: thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Quy chế này;
- e. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 và khoản 7 Điều 6 Quy chế này;
- f. Cách thức bỏ phiếu: thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 4 và khoản 8 Điều 6 Quy chế này;
- g. Cách thức kiểm phiếu: thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 4 và khoản 9 Điều 6 Quy chế này;
- h. Thông báo kết quả kiểm phiếu: thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 và khoản 10 Điều 6 Quy chế này;
- i. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 4 và khoản 11 Điều 6 Quy chế này;
- k. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 4 Quy chế này.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty
3. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐCP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Thành viên HĐQT có quyền như sau:
 - a. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ;
 - b. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty (sau đây gọi chung là “**Người quản lý Công ty**”) cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của IDICO-SHP, với điều kiện là việc cung cấp đó phải nhằm để phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT đó và tuân thủ trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của Công ty.
5. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của IDICO- SHP;
- b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất của HĐQT về các giao dịch giữa IDICO-SHP, công ty con của IDICO-SHP, công ty do IDICO-SHP nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa IDICO-SHP với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của IDICO-SHP theo quy định của pháp luật;
- f. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của IDICO-SHP trong từng thời kỳ;
- g. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác của thành viên HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu của HĐQT

a. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người.

b. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

c. Cơ cấu HĐQT của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT:

Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

- Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Các Cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHCĐ.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên HĐQT:

Cách thức bầu thành viên HĐQT: việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định khoản 10.b, khoản 11.c Điều 4 của Quy chế này.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT:

a. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- (i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ và Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- (ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- (iii) Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

b. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- (i) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- (ii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
- (iii) Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

c. Bổ sung thành viên HĐQT:

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 26 của Điều lệ.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định của pháp luật.

7. Cách thức giới thiệu, đề cử ứng viên thành viên HĐQT:

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ.

g. Các thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

- Cách thức đề cử, ứng cử thành viên HĐQT thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Quy chế này.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT:

a. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty.

b. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

c. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi

nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT

a. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

b. HĐQT phải họp định kỳ ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường khi xét thấy cần thiết.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường:

- a. Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT.

- Đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Trong trường hợp này Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

3. Thông báo mời họp HĐQT

a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, quyết định và kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

c. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

4. Quyền dự họp HĐQT của thành viên BKS

a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.

b. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

a. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp.

b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điểm a khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

c. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- (i) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
- (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên HĐQT tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên HĐQT có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

d. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều này;
- (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

(v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ

đ. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

e. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

6. Cách thức biểu quyết

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Trường hợp biểu quyết việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, người có liên quan của họ hoặc doanh nghiệp mà thành viên HĐQT phải kê khai theo khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, thì áp dụng theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ Công ty và Điều 167 Luật doanh nghiệp. Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

7. Thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT

a. HĐQT thông qua các nghị quyết, quyết định trên cơ sở đa số (quá bán) thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT,

b. Hội đồng quản trị được quyền thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty. Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số (quá bán) thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c. Đối với cuộc họp của HĐQT tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT: các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

d. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về giao dịch với người có liên quan được thông qua theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này và Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

8. Lập biên bản họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản từ trường họp quy định tại khoản 9 Điều này.

9. Trường họp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường họp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp phải ghi rõ việc chủ tọa và hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký tên trong biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa và/ hoặc người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và pháp luật có liên quan. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

10. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT

Nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được thông báo tới các bên liên quan trong nội bộ Công ty và công bố thông tin cho các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 11. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 12. Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

3. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, IDICO-SHP có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ và cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;

g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS

1. BKS là cơ quan thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của BKS thực hiện theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của thành viên BKS (Kiểm soát viên) thực hiện theo quy định tại Điều 173 Luật Doanh nghiệp

Điều 14. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng, nhiệm kỳ thành viên BKS:

- Số lượng thành viên BKS của Công ty là ba (03) người.

- Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS:

Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

a. Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận.

b. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 15. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Cách thức bầu thành viên BKS, công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS

1. Cách thức bầu thành viên BKS

Cách thức bầu thành viên BKS: việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 10.b, khoản 11.c Điều 4 của Quy chế này.

2. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.

b. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG VI: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 19. Giám đốc

1. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

a. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao và phải báo cáo HĐQT, ĐHĐCĐ khi được yêu cầu

b. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc:

- Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm sẽ đương nhiên hết hiệu lực nếu hợp đồng lao động ký giữa Giám đốc và Công ty chấm dứt.

- Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc

HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Việc bổ nhiệm Giám đốc thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế về công tác cán bộ của Công ty. Việc thuê Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc

HĐQT có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc phải được công bố thông tin trong nội bộ Công ty, công bố thông tin trên website Công ty và cho các cơ quan liên quan theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc:

a. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc do HĐQT quyết định.

b. Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 20. Người điều hành khác

1. Việc bổ nhiệm người điều hành khác

- Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Ký hợp đồng lao động với người điều hành khác

Công ty bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng lao động với người điều hành khác theo quy định của pháp luật lao động.

3. Miễn nhiệm người điều hành khác

Người điều hành khác bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành khác

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành khác của Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

5. Tiền lương của người điều hành khác

- Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Người điều hành khác do HĐQT quyết định.

- Tiền lương của người điều hành khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 21. Nguyên tắc làm việc

Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc và người điều hành khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, sự phát triển của Công ty.

Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

Điều 22. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS, Giám đốc

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các Thành viên BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT;

b. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

d. Các nội dung khác cần ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Giám đốc và Công ty kiểm toán độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm và các vấn đề cần được làm rõ;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

đ. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là năm (05) ngày làm việc và HĐQT sẽ xem xét và phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

3. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc:

a. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty;

b. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin được cung cấp và chưa được phép công bố của Công ty để thực hiện các hợp đồng, giao dịch mà thành viên HĐQT có lợi ích liên quan. HĐQT không được tiết lộ các thông tin được cung cấp và chưa được phép công bố của Công ty cho bất kỳ bên thứ ba nào.

c. Các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty do Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định tại Điều lệ Công ty;

d. HĐQT khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc Giám đốc thực hiện hoàn thành hoặc không hoàn thành nghị quyết, quyết định của HĐQT và các vấn đề được HĐQT giao, ủy quyền khác.

Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, Giám đốc

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty:

Khi cần tiếp cận thông tin của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHĐCĐ, các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- c. Báo cáo của Giám đốc;
- d. Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- đ. Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;
- e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- g. Những tài liệu liên quan khác.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc:

a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và Công ty kiểm toán độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm và các vấn đề cần được làm rõ;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT, Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 24 . Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT, BKS

1. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT:

a. Giám đốc là người thay mặt điều hành mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

b. Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

c. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

d. Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho nhiều người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý do HĐQT phê chuẩn.

đ. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là năm (05) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.

2. Việc phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và BKS:

Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ

Điều 25. Bổ sung, sửa đổi Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quản trị Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG IX: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 09 Chương 26 Điều, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế này là Quy chế nội bộ về quản trị Công ty duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc Người đại diện theo pháp luật hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT của Công ty và đóng dấu của Công ty

*** Nơi nhận:**

- HĐQT;
- BKS;
- Ban Giám đốc;
- Phòng ban Công ty;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thịnh

PHỤ LỤC
NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÈNG IDICO



1. Những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty (“**Quy chế**”) của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“**Công ty**” hoặc “**IDICO-SHP**”), gồm:

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 2. Đối tượng áp dụng: c. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan <u>đến Công ty.</u></p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 2. Đối tượng áp dụng: c. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan <u>được nêu tại Quy chế này.</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ</p>
<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt 1. Các chữ viết tắt: “Đại biểu”: Cổ đông, người đại diện (<u>người được cổ đông ủy quyền</u>). “TTLKCK”: Trung tâm lưu ký chứng khoán. 2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu: [...]</p>	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt 1. Các chữ viết tắt: “Đại biểu”: Cổ đông <u>có quyền biểu quyết</u>, người đại diện <u>theo ủy quyền của cổ đông có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.</u> “VSDC”: <u>Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.</u> 2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu: [...] c. “Điều lệ” là Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO, được thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần thứ 6 ngày 24/4/2024; d. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các sửa đổi bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;</p>	<p>Bổ sung để làm rõ</p> <p>Sửa đổi bổ sung theo khoản 1 Điều 1 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>c. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ của Công ty;</p> <p>d. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ của Công ty;</p> <p>đ. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>e. “Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc; Phó giám đốc; Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quyết định của HĐQT;</p> <p>g. “Thành viên HĐQT độc lập” là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><u>đ. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các sửa đổi bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;</u></p> <p>e. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và <u>các</u> chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ của Công ty;</p> <p>g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và <u>những</u> người điều hành khác của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ của Công ty, <u>theo Quyết định của HĐQT.</u></p> <p>h. “Người có liên quan” là tổ chức, <u>cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau theo các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</u></p> <p>i. “Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc; Phó giám đốc; Kế toán trưởng và những người điều hành khác <u>theo quy định của Điều lệ hoặc được ĐHĐCĐ phê chuẩn hoặc theo quyết định của HĐQT;</u></p> <p>k. “Thành viên HĐQT độc lập” là thành viên <u>độc lập của Hội đồng quản trị được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và đảm bảo được các điều kiện làm thành viên HĐQT độc lập của công ty cổ phần</u> được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ 2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp và <u>Điều 14</u> Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ 2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ thực hiện theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp và <u>Điều 15</u> Điều lệ công ty.</p>	
<p>Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp 1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ: Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp 1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ: Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <u>khoản 1</u>, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty.</p>	
<p>Điều 4. 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ: Công ty phải lập và công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Điều 4. 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ: Công ty phải lập và công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu <u>hai mươi (20)</u> ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. <u>Ngày đăng ký cuối cùng là ngày xác định cổ đông được quyền tham gia dự họp ĐHĐCĐ. Công ty gửi thông báo và các tài liệu liên quan đến HNX và VSDC thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông.</u></p>	Bổ sung để làm rõ
<p>Điều 4. 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ: Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong</p>	<p>Điều 4. 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ: <u>a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</u> Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (<u>website: www.idico-shp.com.vn</u>) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến</p>	Sửa đổi, bổ sung để làm rõ

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS; c. Phiếu biểu quyết; d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>hai mươi một</u> (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p> <p>b. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu <u>liên quan</u> không được gửi kèm thông báo <u>mời</u> họp ĐHĐCĐ, <u>thì</u> thông báo mời họp phải <u>nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử và đường dẫn</u> đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận <u>tài liệu</u>.</p>	
<p>Điều 4. 5. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ: b. Người triệu tập ĐHĐCĐ có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung ĐHĐCĐ. c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc <u>chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Điều 4. 5. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ: b. Người triệu tập <u>họp ĐHĐCĐ</u> phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty. c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần có quyền biểu quyết có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ <u>liên lạc</u>, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp. d. Người triệu tập <u>họp ĐHĐCĐ</u> có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm c khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: (i) <u>Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm c</u></p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 18 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Sửa đổi bổ sung theo khoản 5, 6 Điều 18 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>khoản 5 Điều này;</u> (ii) <u>Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Điều lệ;</u> (iii) <u>Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;</u> (iv) <u>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u> <u>đ. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm c khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.</u></p>	
<p>Điều 4. 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ: a. <u>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u> - <u>Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự họp;</u> - <u>Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và đóng dấu của tổ chức đó và chữ ký của cá nhân được ủy quyền dự họp;</u> - <u>Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</u> b. <u>Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham</u></p>	<p>Điều 4. 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ: a. <u>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</u> b. <u>Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ Công ty phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u> <u>Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền</u></p>	<p>Sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 16 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>c. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây <u>nếu Công ty không nhận được thông báo bằng văn bản và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo <u>bằng văn bản</u> về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>
<p>Điều 4.</p> <p>7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ: <u>Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</u></p>	<p>Điều 4.</p> <p>7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ: <u>a. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> (i) <u>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> (ii) <u>Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</u> (iii) <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> (iv) <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử và phương tiện khác theo quy định của pháp luật và quy định của IDICO.</u> <p><u>b. Trường hợp IDICO-SHP áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, IDICO-SHP phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để Cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Bổ sung làm rõ theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>hướng dẫn Cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến.</u></p> <p><u>c. Trước khi khai mạc cuộc họp, IDICO-SHP phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông như quy định trong Thông báo mời họp ĐHĐCĐ và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông đến tham dự đại hội trực tiếp phải mang theo giấy tờ được quy định tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Cổ đông tham gia.</u></p> <p><u>d. Khi tiến hành đăng ký tham dự, IDICO-SHP cung cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự trực tiếp ĐHĐCĐ một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó có các nội dung về số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Việc đăng ký tham dự trực tiếp ĐHĐCĐ được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.</u></p> <p><u>e. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ sau khi cuộc họp đã khai mạc (“Đại biểu đến muộn”) có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước khi Đại biểu đến muộn tham dự không thay đổi.</u></p>	
<p>Điều 4. 8. Điều kiện tiến hành: a. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết. b. [...] c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.b Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ</p>	<p>Điều 4. 8. Điều kiện tiến hành: a. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành <u>trực tiếp hoặc thông qua hình thức trực tuyến hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam</u> khi có số cổ đông dự họp đại diện trên <u>sáu mươi lăm (65%)</u> tổng số phiếu biểu quyết. b. [...] c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.b Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Dự thảo</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. <u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập trong trường hợp này được coi là họp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</u></p>	<p>Điều lệ sửa đổi, bổ sung.</p>
<p>Điều 4. 9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ: <u>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không họp lệ theo từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</u> <u>Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ cuộc họp.</u> <u>b. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</u></p>	<p>Điều 4. 9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ: <u>a. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</u> <u>b. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp về các nội dung sau:</u> <u>(i) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ IDICO-SHP;</u> <u>(ii) Định hướng phát triển IDICO-SHP;</u> <u>(iii) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> <u>(iv) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;</u> <u>(v) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của IDICO-SHP;</u> <u>(vi) Thông qua báo cáo tài chính Công ty hằng năm;</u> <u>(vii) Tổ chức lại, giải thể IDICO;</u> <u>(viii) Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ.</u> <u>c. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 22 Điều lệ, trừ các vấn đề phải thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Sửa đổi, Bổ sung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung</p>
<p>Điều 4. 10. Cách thức bỏ phiếu:</p>	<p>Điều 4. 10. Cách thức bỏ phiếu <u>trực tiếp:</u></p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</p> <p>b. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS: Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	<p>a. ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Các hình thức biểu quyết: ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ với hình thức phù hợp với diễn biến phiên họp, cụ thể:</p> <p>(i) <u>Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết</u>: các nội dung biểu quyết chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết, các Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng mà mình lựa chọn (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) có sẵn trên Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết phải ghi rõ số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Sau đó, Cổ đông, đại diện theo ủy quyền (Đại biểu) bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu đặt tại nơi bỏ phiếu.</p> <p>(ii) <u>Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết</u>: Cổ đông thực hiện gior Thẻ biểu quyết (thẻ Tán thành, Không tán thành, hoặc không có ý kiến) tại ĐHĐCĐ để biểu quyết theo từng nội dung cụ thể. <u>Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung biểu quyết sẽ được thông báo kết quả tại Đại hội.</u></p> <p>(iii) <u>Cách thức bỏ phiếu của hình thức bầu dồn phiếu</u>: Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	<p>Bổ sung theo điểm d khoản 2 Điều 20 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo Quy định tại khoản 1a, khoản 5 Điều 20 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 4. 11. Cách thức kiểm phiếu:</p>	<p>Điều 4. 11. Cách thức kiểm phiếu <u>trực tiếp</u>:</p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>a. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá 03 người.</p> <p>b. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</p> <p>c. Bầu thành viên HĐQT, BKS: - Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông. - Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu. [...]</p>	<p>a. Cách thức kiểm phiếu trong trường hợp biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Các tình trạng “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” sẽ được tổng hợp riêng. Đối với trường hợp bỏ phiếu trực tuyến, Ban kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 6 của Quy chế này. Phiếu biểu quyết trực tuyến được tổng hợp cùng với các Phiếu biểu quyết được phát trực tiếp tại ĐHĐCĐ.</p> <p>b. Cách thức kiểm phiếu trong trường hợp biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: được tiến hành bằng cách thu Thẻ biểu quyết tán thành trước, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng Ban kiểm phiếu tập hợp số Thẻ biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Thẻ biểu quyết trực tuyến được tổng hợp cùng với các Thẻ biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ.</p> <p>c. Đối với phương thức bầu dồn phiếu: - Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các Đại biểu. - Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi Đại biểu cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu. [...]</p> <p>d. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu Đại biểu có yêu cầu, IDICO-SHP phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.</p>	<p>Bổ sung theo Quy định tại khoản 1a Điều 20 Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung.</p> <p>Thêm nội dung này để Công ty linh động áp dụng trong trường hợp cần thiết.</p>
<p>Điều 4. 12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua: a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. [...]</p> <p>b. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành,</p>	<p>Điều 4. 12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua: a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ <u>bảy mươi lăm phần trăm (75%)</u> tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 9 điều 22 Điều lệ Công ty. [...]</p> <p>b. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên <u>sáu mươi lăm (65%)</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>tham</u></p>	<p>Dẫn chiếu đến các Điều, khoản của Điều lệ Công ty do Điều lệ Công ty có quy định rõ những nội dung này.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.</p> <p>d. [...]</p>	<p>dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 12 Điều này; các khoản 5, 6 Điều 21 Điều lệ Công ty và khoản 9 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>c. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. <u>Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ và quy chế bầu cử IDICO-SHP.</u></p> <p>d. <u>Nghi quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi về quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên biểu quyết tán thành tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p>đ. [...]</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 4. 13. Thông báo kết quả kiểm phiếu: <u>Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.</u></p>	<p>Điều 4. 13. Thông báo kết quả kiểm phiếu: <u>Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu về từng nội dung cho Chủ tọa. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung làm rõ.</p>
<p>Điều 4. 14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ:</p>	<p>Điều 4. 14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ: a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 10 Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 14 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty tại từng thời điểm trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p> <p>c. Trong thời hạn <u>chín mươi</u> (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(i) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 21 Điều lệ Công ty.</p> <p>(ii) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 4. 15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: [...]</p> <p><u>d.</u> Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 4. 15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: [...]</p> <p><u>d.</u> Biên bản ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ.</p> <p><u>đ.</u> Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông (<u>nếu họp trực tiếp</u>) hoặc danh sách cổ đông <u>đăng ký dự họp được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến (nếu họp trực tuyến)</u>, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có), <u>nghị quyết đã được thông qua</u> và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p> <p>Bổ sung để làm rõ.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 4. 16. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <u>hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u></p>	<p>Điều 4. 16. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	
<p>Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ Công ty.</p>	Bổ sung để làm rõ.
<p>Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến <u>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng các hình thức này, HĐQT có trách nhiệm ban hành quy chế để thực hiện. Quy chế này phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan, trong quy chế HĐQT ban hành phải quy định rõ các nội dung sau:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ; 2. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ; 3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ; 4. Điều kiện tiến hành; 5. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ; 6. Cách thức bỏ phiếu; 7. Cách thức kiểm phiếu; 	<p>Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trực tuyến: <u>Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này.</u> 2. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến: <u>Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ như quy định tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:</u> <ol style="list-style-type: none"> a. Điều kiện tham gia họp ĐHĐCĐ: <ol style="list-style-type: none"> (i) <u>Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ;</u> (ii) <u>Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đủ điều kiện tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ.</u> b. Yêu cầu kỹ thuật: <u>Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (bao gồm nhưng không giới hạn máy tính, máy tính bảng, điện thoại</u> 	Bổ sung điều khoản họp bằng hình thức hội nghị trực tuyến theo quy định tại khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>8. Thông báo kết quả kiểm phiếu; 9. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ; 10. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ.</p>	<p>di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).</p> <p>c. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến: Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.</p> <p>d. Đại biểu thực hiện truy cập vào hệ thống tham dự ĐHĐCĐ sau khi cuộc họp đã khai mạc (“Đại biểu đến muộn”) có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội đối với các vấn đề chưa được biểu quyết. Hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước khi Đại biểu đến muộn tham dự ĐHĐCĐ không thay đổi.</p> <p>3. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử tại ĐHĐCĐ trực tuyến:</p> <p>a. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập khác do HĐQT quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin, việc quản lý, sử dụng các thông tin đã đăng ký, đã được cung cấp này.</p> <p>b. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email hoặc điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được gửi đến địa chỉ email hoặc số điện thoại được ghi nhận tại thông tin Cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ do Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập.</p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>c. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.</u></p> <p><u>4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến:</u></p> <p><u>a. Cổ đông thực hiện ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Quy chế này.</u></p> <p><u>b. Ngoài các quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, Cổ đông phải cung cấp đầy đủ thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ email của người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông và thông tin khác theo yêu cầu của IDICO-SHP. Đây là cơ sở để Công ty cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông.</u></p> <p><u>c. Hiệu lực của việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn toàn bộ các điều kiện sau:</u></p> <p><u>(i) Cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu Giấy ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thủ tục ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến theo quy định của Điều này;</u></p> <p><u>(ii) Cổ đông gửi bản chính Giấy ủy quyền đã điền đầy đủ các thông tin theo quy định tại Điều này, đã có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền đến IDICO-SHP theo địa chỉ do IDICO-SHP thông báo;</u></p> <p><u>(iii) IDICO-SHP nhận được Giấy ủy quyền bản chính trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.</u></p> <p><u>d. Hủy bỏ, chấm dứt việc ủy quyền dự họp và biểu quyết ĐHĐCĐ trực tuyến: Trong trường hợp Cổ đông chấm dứt việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ, Cổ đông phải gửi văn bản chính thức về việc chấm dứt Giấy ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến cho IDICO-SHP trước thời điểm Đại hội khai mạc chính thức.</u></p> <p><u>Mọi vấn đề, nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến đã được đại diện ủy quyền tiến hành bỏ phiếu biểu</u></p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>quyết sẽ vẫn có hiệu lực nếu IDICO-SHP nhận được văn bản chính thức về việc hủy bỏ, chấm dứt Giấy ủy quyền sau thời điểm biểu quyết.</u></p> <p><u>5. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến:</u> <u>Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Quy chế này.</u></p> <p><u>6. Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến:</u></p> <p><u>a. Nguyên tắc:</u></p> <p><u>(i) Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ;</u></p> <p><u>(ii) Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;</u></p> <p><u>(iii) Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của Đại hội;</u></p> <p><u>(iv) Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.</u></p> <p><u>b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:</u></p> <p><u>(i) Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;</u></p> <p><u>(ii) Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được IDICO-SHP trả lời sau.</u></p> <p><u>7. Hình thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ trực tuyến:</u> <u>ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.</u></p> <p><u>8. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:</u></p> <p><u>a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:</u></p> <p><u>(i) Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành hoặc không ý kiến đối với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ đã được cài đặt tại hệ thống</u></p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>bỏ phiếu điện tử.</u></p> <p><u>(ii) Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.</u></p> <p><u>b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:</u></p> <p><u>(i) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” và ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” đối với mỗi ứng cử viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.</u></p> <p><u>(ii) Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại điểm a khoản 8 Điều này.</u></p> <p><u>c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:</u></p> <p><u>(i) Trường hợp Đại biểu không thực hiện biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình họp ĐHCĐ thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.</u></p> <p><u>(ii) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình họp ĐHCĐ đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.</u></p> <p><u>(iii) Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình họp ĐHCĐ. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của ĐHCĐ.</u></p> <p><u>(iv) Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác</u></p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu do Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.</p> <p>(v) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại Đại hội. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.</p> <p>9. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:</p> <p>a. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số phiếu biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không có ý kiến.</p> <p>b. Đối với bầu dồn phiếu thì cách thức kiểm phiếu được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc quy định tại điểm b (i) khoản 8 Điều 6 Quy chế này.</p> <p>10. Thông báo kết quả kiểm phiếu trực tuyến: Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận trên hệ thống như quy định tại khoản 9 điều 6 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ toạ kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ toạ hoặc Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến:</p> <p>a. Thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến là địa điểm Chủ toạ có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>12. Công bố Nghị quyết họp ĐHĐCĐ trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>13. Thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp</p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>kết hợp với hội nghị trực tuyến:</u> <u>Trường hợp IDICO-SHP tổ chức họp ĐHĐCĐ nhằm thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến, trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết được thực hiện như sau:</u></p> <p>a. <u>Thủ tục thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này;</u></p> <p>b. <u>Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 và khoản 2 Điều 6 Quy chế này;</u></p> <p>c. <u>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 và khoản 4 Điều 6 Quy chế này;</u></p> <p>d. <u>Điều kiện tiến hành: thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Quy chế này;</u></p> <p>e. <u>Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 và khoản 7 Điều 6 Quy chế này;</u></p> <p>f. <u>Cách thức bỏ phiếu: thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 4 và khoản 8 Điều 6 Quy chế này;</u></p> <p>g. <u>Cách thức kiểm phiếu: thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 4 và khoản 9 Điều 6 Quy chế này;</u></p> <p>h. <u>Thông báo kết quả kiểm phiếu: thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 và khoản 10 Điều 6 Quy chế này;</u></p> <p>i. <u>Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 4 và khoản 11 Điều 6 Quy chế này;</u></p> <p>k. <u>Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 4 Quy chế này.</u></p>	
<p>Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT</p> <p>1. [...]</p> <p>2. <u>Quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT</p> <p>1. [...]</p> <p>2. <u>Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty.</u></p> <p>3. <u>HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của</u></p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐCP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p> <p><u>4. Thành viên HĐQT có quyền như sau:</u></p> <p><u>a. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ;</u></p> <p><u>b. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty (sau đây gọi chung là “Người quản lý Công ty”) cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của IDICO-SHP, với điều kiện là việc cung cấp đó phải nhằm để phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT đó và tuân thủ trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của Công ty.</u></p> <p><u>5. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:</u></p> <p><u>a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của IDICO-SHP;</u></p> <p><u>b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</u></p> <p><u>c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</u></p> <p><u>d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất của HĐQT về các giao dịch giữa IDICO-SHP, công ty con của IDICO-SHP, công ty do IDICO-SHP nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa IDICO-SHP với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</u></p> <p><u>e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của IDICO-SHP theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>f. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>IDICO-SHP trong từng thời kỳ; <u>g. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác của thành viên HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ.</u></p>	
<p>Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT 1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT: Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT: <u>a. Cơ cấu HĐQT của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.</u> <u>b. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:</u> - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty. - Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác.</p> <p>3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:</p>	<p>Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT 1. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu của HĐQT a. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. b. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. c. Cơ cấu HĐQT của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành.</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT: - Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Các Cổ đông phổ</p>	<p>Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 25 Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p> <p>4. Cách thức bầu thành viên HĐQT: Cách thức bầu thành viên HĐQT: thực hiện theo Khoản 10.b, Khoản 11.c, Điều 4 của Quy chế này.</p> <p>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT: <u>Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp như sau:</u> a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;</p>	<p><u>thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHCĐ.</u></p> <p>- <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.</u> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.</p> <p>- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết <u>theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</u> Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Cách thức bầu thành viên HĐQT: Cách thức bầu thành viên HĐQT: <u>việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dòn phiếu theo quy định khoản 10.b, khoản 11.c Điều 4 của Quy chế này.</u></p> <p>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT: a. <u>ĐHCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:</u> (i) <u>Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Điều lệ và Điều 155 Luật Doanh nghiệp;</u> (ii) <u>Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định khoản 4 Điều 26 Dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng) mà không có sự chấp thuận của HĐQT;</p> <p>đ. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>e. Thành viên đó được cổ đông là tổ chức quyết định không cử tham gia Hội đồng quản trị;</p> <p>6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: Việc <u>bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế</u> các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT: [...]</p> <p>e. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT: a. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. [...]</p>	<p>(iii) <u>Theo quyết định của ĐHĐCĐ.</u></p> <p>b. <u>ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:</u></p> <p>(i) <u>Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p>(ii) <u>Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;</u></p> <p>(iii) <u>Trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.</u></p> <p>c. <u>Bổ sung thành viên HĐQT:</u> <u>HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 26 của Điều lệ.</u></p> <p>6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định của pháp luật.</p> <p>7. Cách thức giới thiệu, <u>đề cử</u> ứng viên thành viên HĐQT: [...]</p> <p>e. Các thông tin khác (nếu có) <u>theo quy định tại Điều lệ.</u></p> <p>g. Các thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có). - Cách thức đề cử, ứng cử thành viên HĐQT thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Quy chế này.</p> <p>8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT: a. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. <u>Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty.</u> [...]</p>	<p>Bổ sung làm rõ.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>CHƯƠNG IV: HỌP HĐQT</p> <p>Điều 10. Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT</p> <p><u>1. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</u></p> <p>2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường:</p> <p>a. Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;</p> <p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT.</p> <p>Trong trường hợp này Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.</p> <p>3. Thông báo họp HĐQT</p> <p>a. <u>Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT và BKS ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của</u></p>	<p>Điều 10. Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT</p> <p><u>1. Các cuộc họp HĐQT</u></p> <p>a. <u>Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.</u></p> <p><u>b. HĐQT phải họp định kỳ ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường khi xét thấy cần thiết.</u></p> <p>2. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường:</p> <p>a. Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;</p> <p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT.</p> <p><u>- Đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.</u></p> <p>- Trong trường hợp này Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.</p> <p>3. Thông báo <u>mời</u> họp HĐQT</p> <p>a. <u>Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo <u>mời</u> họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 6 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p><u>thành viên HĐQT đó.</u> Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải <u>thông báo đầy đủ</u> thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>b. Thông báo mời họp <u>được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác</u>, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và BKS được đăng ký tại Công ty.</p> <p>c. Địa điểm họp: [...]</p> <p>4. ...</p> <p>5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT</p> <p>a. <u>Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ</u> được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT <u>có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</u></p> <p>b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.</p>	<p>trình, nội dung các vấn đề thảo luận, <u>quyết định</u> và kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>b. Thông báo mời họp HĐQT <u>có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, email, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định</u>, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.</p> <p>c. Địa điểm họp: [...]</p> <p>4. ...</p> <p>5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT</p> <p>a. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có <u>từ</u> ba phần tư (3/4) <u>tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp.</u></p> <p>b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại <u>điểm a</u> khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.</p> <p>c. <u>Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u></p> <p>(i) <u>Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.</u></p> <p>(ii) <u>Phát biểu với tất cả các thành viên HĐQT tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên HĐQT có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 8 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo khoản 8 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>6. Cách thức biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại khoản 6.b Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 5.a Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu</p>	<p><u>liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ toạ cuộc họp.</u></p> <p><u>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.</u></p> <p><u>d. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</u></p> <p>(i) <u>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> <u>Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều này;</u> <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</u></p> <p>(v) <u>Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ</u></p> <p><u>đ. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</u></p> <p><u>e. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</u></p> <p>6. Cách thức biểu quyết</p> <p>Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Trường hợp biểu quyết việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa</p>	<p>Bổ sung theo khoản 9 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo khoản 10 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo khoản 11 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo khoản 12 Điều 30 và Điều 43 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p><u>biểu quyết.</u></p> <p><u>b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</u></p> <p><u>c. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ toạ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.</u></p> <p><u>d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 42 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</u></p> <p>7. <u>Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT</u></p> <p>a. <u>HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</u></p> <p>b. <u>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp</u></p>	<p>Công ty với thành viên HĐQT, người có liên quan của họ hoặc doanh nghiệp mà thành viên HĐQT phải kê khai theo khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, thì áp dụng theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ Công ty và Điều 167 Luật doanh nghiệp. Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p> <p>7. <u>Thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT</u></p> <p>a. <u>HĐQT thông qua các nghị quyết, quyết định trên cơ sở đa số (quá bán) thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.</u></p> <p>b. <u>Hội đồng quản trị được quyền thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty. Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số (quá bán) thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 12, 13 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>8. Lập biên bản họp HĐQT</p> <p>Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích, chương trình và nội dung họp; c. Thời gian, địa điểm họp; [...] 	<p>c. <u>Đối với cuộc họp của HĐQT tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT: các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.</u></p> <p>d. <u>Nghi quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về giao dịch với người có liên quan được thông qua theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này và Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>8. Lập biên bản họp HĐQT</p> <p>Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian, địa điểm họp; c. Mục đích, chương trình và nội dung họp; [...] 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 8 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung để làm rõ.</p>
<p>9. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <u>Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p>9. <u>Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</u></p> <p><u>Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 8 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp phải ghi rõ việc chủ tọa và hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký tên trong biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa và/ hoặc người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và pháp luật có liên quan. Biên bản họp</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để làm rõ.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>10. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.</p>	<p>HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>10. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT Nghị quyết, <u>quyết định của HĐQT</u> phải được thông báo tới các bên liên quan <u>trong nội bộ Công ty và công bố thông tin cho các cơ quan, tổ chức có liên quan</u> theo quy định <u>về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</u>, quy định của Công ty và <u>quy định của pháp luật</u>.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để làm rõ.</p>
<p>CHƯƠNG V: CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT Điều 11. Các tiểu ban thuộc HĐQT 1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. <u>Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT.</u> Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p> <p><u>3. Trường hợp không thành lập tiểu ban nhân sự, lương thưởng, HĐQT có thể phân công thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành giúp HĐQT trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.</u></p> <p>4. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban</p>	<p>Điều 11. Các tiểu ban thuộc HĐQT 1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 và 2 Điều 31 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p><u>Việc thực thi các quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.</u></p>		
<p>CHƯƠNG VI: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY Điều 12. Lựa chọn bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty 1. HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. [...] 4. <u>Thông báo</u> bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. <u>Thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.</u></p>	<p>CHƯƠNG IV: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY Điều 12. Người phụ trách quản trị công ty 1. HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. <u>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</u> [...] 4. <u>Công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.</u> <u>Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, IDICO-SHP có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ và cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.</u></p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 32 Luật Doanh nghiệp.</p>
<p>CHƯƠNG VII: BAN KIỂM SOÁT Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS 1. ... 2. Quyền và nghĩa vụ của BKS, <u>trách nhiệm của thành viên BKS thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS 1. ... 2. Quyền và nghĩa vụ của BKS <u>thực hiện theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ công ty.</u> 3. <u>Trách nhiệm của thành viên BKS (Kiểm soát viên) thực hiện theo quy định tại Điều 173 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>
<p>Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS</p>	<p>Điều 14. Thành phần Ban kiểm soát</p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>1. <u>Nhiệm kỳ, số lượng thành viên BKS:</u> [...]</p>	<p>1. <u>Số lượng, nhiệm kỳ thành viên BKS:</u> [...]</p> <p>3. <u>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS</u> a. <u>Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</u> - <u>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều này;</u> - <u>Có đơn từ chức và được chấp thuận.</u> b. <u>Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</u> - <u>Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</u> - <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> - <u>Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u> - <u>Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHCĐ.</u></p>	<p>Bổ sung theo khoản 3 Điều 37 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 14. 3. <u>Đề cử, ứng cử thành viên BKS:</u> a. [...] b. [...]</p>	<p>Điều 15. <u>Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</u> 1. [...] 2. [...]</p>	<p>Sắp xếp lại thứ tự các khoản, Điều cho phù hợp.</p>
<p>Điều 14. 4. <u>Cách thức bầu thành viên BKS:</u> <u>Cách thức bầu thành viên BKS thực hiện tương tự khoản 4 Điều 8 Quy chế này.</u></p> <p>5. <u>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS</u> a. <u>Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</u> - <u>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều này;</u> - <u>Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u></p>	<p>Điều 16. <u>Cách thức bầu thành viên BKS, công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS</u> 1. <u>Cách thức bầu thành viên BKS</u> <u>Cách thức bầu thành viên BKS: <u>việc biểu quyết bầu thành viên BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 10.b, khoản 11.c Điều 4 của Quy chế này.</u></u></p>	<p>Sắp xếp lại thứ tự các khoản, Điều cho phù hợp.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>- Thành viên đó được cổ đông là tổ chức quyết định không cử tham gia Ban kiểm soát;</p> <p>- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>- Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.</p> <p>6. <u>Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS</u></p> <p>Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>thay thế các thành viên BKS</u> phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>2. <u>Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p>Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
	<p><u>Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát</u></p> <p>1. <u>Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p>2. <u>Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 40 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 14.</p> <p>7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS [...]</p>	<p><u>Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên BKS</u></p> <p>[...]</p>	<p>Sắp xếp lại thứ tự các khoản, Điều cho phù hợp.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC Điều 15. Giám đốc 1. <u>Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc</u> a. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. b. Quyền và nghĩa vụ, <u>trách nhiệm</u> của Giám đốc thực hiện theo quy định của <u>Pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty.</u></p> <p>2. <u>Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc:</u> Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. <u>Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p> <p>5. <u>Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:</u> Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>6. <u>Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc:</u> a. <u>Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do HĐQT quyết định.</u></p>	<p>CHƯƠNG VI: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC Điều 19. Giám đốc 1. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc a. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao và <u>phải báo cáo HĐQT, ĐHĐCĐ khi được yêu cầu</u> b. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc thực hiện theo quy định tại <u>khoản 5 điều 35 Điều lệ Công ty.</u></p> <p>2. <u>Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc:</u> - <u>Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm sẽ đương nhiên hết hiệu lực nếu hợp đồng lao động ký giữa Giám đốc và Công ty chấm dứt.</u> - <u>Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>5. <u>Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:</u> Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc phải được công bố thông tin <u>trong nội bộ Công ty, công bố thông tin trên Website Công ty và cho các cơ quan liên quan</u> theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>6. <u>Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc:</u> a. <u>Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc do HĐQT quyết định.</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 35 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung để làm rõ.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>Điều 16. Người điều hành khác 1. Việc bổ nhiệm người điều hành khác</p> <p>Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.</p>	<p>Điều 20. Người điều hành khác 1. Việc bổ nhiệm người điều hành khác <u>- Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u> - Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. <u>Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</u></p> <p>5. <u>Tiền lương của người điều hành khác</u> <u>- Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Người điều hành khác do HĐQT quyết định.</u> <u>- Tiền lương của người điều hành khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p>	<p>Bổ sung theo khoản 1, 2 Điều 34 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo khoản 3, 4 Điều 34 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>CHƯƠNG IX: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC Điều 17. Nguyên tắc làm việc</p>	<p>CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC Điều 21. Nguyên tắc làm việc</p>	
<p>Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS, Giám đốc 2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT: b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Giám đốc và Công ty kiểm toán độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;</p>	<p>Điều 22. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS, Giám đốc 2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT: b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Giám đốc và Công ty kiểm toán độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm và</p>	<p>Bổ sung theo khoản 2 điều 40 Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là <u>bảy (07) ngày</u> làm việc và HĐQT sẽ xem xét và phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.</p> <p>3. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc:</p> <p>b. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty <u>hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u></p> <p>d. HĐQT khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc thực hiện hoàn thành hoặc không hoàn thành nghị quyết và các vấn đề <u>ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc.</u></p>	<p><u>các vấn đề cần được làm rõ;</u></p> <p>e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là <u>năm (05) ngày</u> làm việc và HĐQT sẽ xem xét và phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.</p> <p>3. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc:</p> <p>b. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin <u>được cung cấp và chưa được phép công bố của Công ty để thực hiện các hợp đồng, giao dịch mà thành viên HĐQT có lợi ích liên quan. HĐQT không được tiết lộ các thông tin được cung cấp và chưa được phép công bố của Công ty cho bất kỳ bên thứ ba nào.</u></p> <p>d. HĐQT khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc <u>Giám đốc thực hiện hoàn thành hoặc không hoàn thành nghị quyết, quyết định của HĐQT</u> và các vấn đề <u>được HĐQT giao, ủy quyền khác.</u></p>	<p>Sửa lại 05 ngày để phù hợp thời gian với Thông báo mời họp tại điểm a khoản 3 Điều 10 Quy chế này.</p> <p>Bổ sung để làm rõ.</p>
<p>Điều 19. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, Giám đốc</p>	<p>Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT, Giám đốc</p>	
<p>Điều 20 . Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT, BKS</p> <p>a. Giám đốc là người thay mặt điều hành mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.</p> <p>đ. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là <u>bảy (07) ngày</u> làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.</p>	<p>Điều 24 . Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc và HĐQT, BKS</p> <p>a. Giám đốc là người thay mặt điều hành mọi hoạt động <u>kinh doanh hằng ngày</u> của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.</p> <p>đ. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là <u>năm (05) ngày</u> làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày.</p>	<p>Sửa lại 05 ngày để phù hợp thời gian với Thông báo mời họp tại điểm a khoản 3 Điều 10 Quy chế này.</p>
<p>CHƯƠNG X: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ Điều 21. Bổ sung, sửa đổi Quy chế</p>	<p>CHƯƠNG VIII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ Điều 25. Bổ sung, sửa đổi Quy chế</p>	
<p>CHƯƠNG XI: NGÀY HIỆU LỰC Điều 22. Hiệu lực thi hành</p>	<p>CHƯƠNG IX: NGÀY HIỆU LỰC Điều 26. Hiệu lực thi hành</p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>1. Quy chế này gồm <u>11 Chương 22 Điều</u> được ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày <u>12 tháng 5 năm 2021</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này <u>phải</u> có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT <u>mới có giá trị.</u></p>	<p>1. Quy chế này gồm <u>09 Chương 26 Điều</u>, được ĐHĐCĐ thường niên <u>năm 2024</u> Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhất trí thông qua ngày <u>24 tháng 4 năm 2024</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Quy chế này là Quy chế nội bộ về quản trị Công ty duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021.</p> <p>3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này <u>có giá trị khi</u> có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc <u>Người đại diện theo pháp luật</u> hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT <u>của Công ty và đóng dấu của Công ty.</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ</p>

2. Ngoài các sửa đổi, bổ sung tại Mục 1 của Phụ lục này, Quy chế mới có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, diễn đạt, thuật ngữ và một số dẫn chiếu trong Quy chế để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Quy chế (không làm thay đổi ý nghĩa).

3. Sau khi điều chỉnh hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số Điều khoản của Quy chế mới cũng được thay đổi tương ứng.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Số: 13 /TTr-HĐQT

Bình Phước, ngày 03 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”) được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021 (“Điều lệ”);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/5/2021 (“Quy chế HĐQT”);

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành; việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý, vận hành của Công ty,

Nhằm mục tiêu hoàn thiện Điều lệ và các quy chế của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông toàn văn dự thảo Quy chế HĐQT sửa đổi, bổ sung và các nội dung sửa đổi chính trong Quy chế HĐQT được nêu cụ thể tại “Phụ lục những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị” đính kèm.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Quy chế HĐQT của Công ty như sau:


1. Thông qua dự thảo Quy chế HĐQT sửa đổi, bổ sung của Công ty. Quy chế HĐQT sửa đổi, bổ sung này sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế HĐQT hiện hành.
2. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết và ký ban hành Quy chế HĐQT sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định pháp luật.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.




Nguyễn Văn Thịnh





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**

Năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa công ty với người có liên quan.....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	10
Điều 14. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị	12
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	14
CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	15
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	15
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	16
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành, Giám đốc	17
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	17

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	18
Điều 23. Hiệu lực thi hành	18

Bình Phước, ngày 24 tháng 4 năm 2024

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“IDICO-SHP” hoặc “Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 6 ngày 24/4/2024;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 24/4/2024,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa IDICO-SHP, công ty con, công ty khác do IDICO-SHP nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa IDICO-SHP với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty (sau đây gọi chung là “**Người quản lý**”) cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty, với điều kiện là việc cung cấp đó phải nhằm để phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị đó và tuân thủ quy trình yêu cầu cung cấp thông tin như quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy chế này.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị phải gửi nội dung yêu cầu cung cấp thông tin cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ các nội dung thông tin tài liệu cần cung cấp;

- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua, thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu phải lập yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản gửi đến Người quản lý có liên quan. Yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu rõ thông tin, tài liệu được yêu cầu, lý do yêu cầu, mục đích sử dụng thông tin, kèm theo cam kết sử dụng thông tin, tài liệu được cung cấp đúng mục đích và bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp;

- Người quản lý có liên quan sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác;
- d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị để bàn và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của đa số các thành viên Hội đồng quản trị đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc ngày hiệu lực của Quyết định của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện

quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 25 Điều lệ công ty;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% trở lên được quyền đề cử đủ số lượng ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo phương thức biểu quyết tại cuộc họp. Tỷ lệ biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải

cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ. Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng; Quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền theo quy định của Điều lệ công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 và khoản 8 Điều 43 của Điều lệ Công ty;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định việc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó;

k. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ứng cử viên Hội đồng quản trị ở công ty khác mà Công ty có vốn đầu tư (Công ty là thành viên góp vốn hoặc cổ đông), quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r. Ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

s. Quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty; Quy chế tài chính của Công ty;

t. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp;

u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên có quyền biểu quyết/ được lấy ý kiến bằng văn bản tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho

Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.

3. Hội đồng quản trị chấp thuận việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Văn bản yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên

Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát

b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc

họp. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Hội đồng quản trị được quyền thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về giao dịch với người có liên quan được thông qua theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ công ty và Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Những người ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu

giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiêu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới

tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc

bản giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Môi quan hệ với ban điều hành, Giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc và người quản lý khác của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó.

2. Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp khi thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh, Giám đốc phải tiếp tục thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

4. Giám đốc phải gửi báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho Hội đồng quản trị theo quy định như sau:

- Báo cáo quý: Hoàn tất và báo cáo Hội đồng quản trị tại phiên họp định kỳ hằng quý.
- Báo cáo năm: Hoàn tất và báo cáo Hội đồng quản trị trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc và người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 22. Môi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Môi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo Giám đốc cùng các bộ phận có liên quan phối hợp xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

3. Trách nhiệm của HĐQT trong môi quan hệ phối hợp với BKS:

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các Thành viên BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT;

b. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;

d. Các nội dung khác cần ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 Chương 23 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021.

2. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ký.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định tại Điều lệ IDICO-SHP và các quy định hiện hành của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- HĐQT;
- BKS;
- Ban Giám đốc;
- Phòng ban Công ty;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thịnh



PHỤ LỤC
NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

1. Những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ("**Quy chế**") của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO ("**Công ty**" hoặc "**IDICO-SHP**"), gồm:

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	=> Xóa bỏ khoản này do IDICO-SHP là công ty đại chúng chưa niêm yết, không có quy định bắt buộc phải có thành viên độc lập HĐQT.
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty (sau đây gọi chung là " Người quản lý ") cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty, với điều kiện là việc cung cấp đó phải nhằm để phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị đó và tuân thủ quy trình yêu cầu cung cấp thông tin như quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy chế này. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện như sau: - Thành viên Hội đồng quản trị phải gửi nội dung yêu cầu cung cấp thông tin cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ các nội dung thông tin tài liệu cần cung cấp;	Bổ sung để làm rõ.

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua, thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu phải lập yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản gửi đến Người quản lý có liên quan. Yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu rõ thông tin, tài liệu được yêu cầu, lý do yêu cầu, mục đích sử dụng thông tin, kèm theo cam kết sử dụng thông tin, tài liệu được cung cấp đúng mục đích và bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp;</p> <p>- Người quản lý có liên quan sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u></p> <p>4. <u>Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</u></p>	<p>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. <u>Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</u></p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>=> Xóa bỏ khoản này do IDICO-SHP là công ty đại chúng chưa niêm yết, không có quy định bắt buộc phải có thành viên độc lập HĐQT.</p>
<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. ...</p>	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. ...</p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>b. ... c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của <u>công ty khác</u>; d. Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác. đ. ...</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty; d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ; e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc</p>	<p>b. ... c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tối đa năm (05) công ty khác; d. ...</p>	<p>=> Xóa bỏ khoản này do IDICO-SHP là công ty đại chúng chưa niêm yết, không có quy định bắt buộc phải có thành viên độc lập HĐQT.</p> <p>=> Xóa bỏ khoản này do IDICO-SHP là công ty đại chúng chưa niêm yết, không có quy định bắt buộc phải có thành viên độc lập HĐQT.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p><u>lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</u></p>		
<p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; ... 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị <u>bãi miễn</u>, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị <u>bãi miễn</u>. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý</p>	<p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, <u>phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị</u>; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị <u>để bàn và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường</u>; c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; <u>thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của đa số các thành viên Hội đồng quản trị đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị</u>; ... 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị <u>bãi nhiệm, miễn nhiệm</u>, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc <u>ngày hiệu lực của Quyết định của Hội đồng quản trị về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị</u>. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 29 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung để làm rõ.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện <u>làm thành viên Hội đồng quản trị</u> theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp <u>và khoản 4 Điều 25 Điều lệ công ty</u>;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. <u>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b. <u>Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</u> theo quy định của Luật Doanh nghiệp <u>và Điều lệ công ty</u>;</p> <p>c. <u>Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 26 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 26 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 26 Dự</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>a. ...</p> <p>b. <u>Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;</u></p> <p>c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>a. ...</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số</p>	<p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p> <p>a. <u>Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</u> Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% trở lên được quyền đề cử đủ số lượng ứng viên.</u></p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Quy định tại khoản 5 Điều 21 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử <u>hoặc Điều lệ công ty</u>.</p> <p>4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo <u>nguyên tắc bỏ phiếu</u>.</p>	<p>định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</p> <p>4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo <u>phương thức biểu quyết tại cuộc họp. Tỷ lệ biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty</u>.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để làm rõ.</p>
<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. ...</p> <p>g. <u>Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</u></p> <p>2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định <u>hướng dẫn</u> về công bố thông tin.</p>	<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. ...</p> <p>g. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>thay thế</u> thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định <u>pháp luật</u> về công bố thông tin <u>trên thị trường chứng khoán</u>.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 25 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung để làm rõ (quy định tại khoản 5 Điều 26 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung).</p>
<p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>...</p> <p>đ. Quyết định mua lại <u>không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng; Quyết</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 27 Dự</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. ...</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k. ...</p> <p>l. ...</p> <p>m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n. ...</p>	<p><u>định giá mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền <u>theo quy định của Điều lệ công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật</u>;</p> <p>g. ...</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty <u>trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 và khoản 8 Điều 43 của Điều lệ Công ty</u>;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, <u>Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; Quyết định việc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; và quyết định mức lương, thưởng và quyền lợi khác của những người đó</u>;</p> <p>k. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc <u>ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ứng cử viên Hội đồng quản trị ở công ty khác mà Công ty có vốn đầu tư (Công ty là thành viên góp vốn hoặc cổ đông)</u>, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>l. ...</p> <p>m. ...</p> <p>n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến <u>cổ đông bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết</u>;</p> <p>o. ...</p>	<p>thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 27 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 27 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại điểm l khoản 2 Điều 27 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>o. ... p. ... q. <u>Quyết định</u> ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. r. ... s. ...</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>4. ...</p>	<p>p. ... q. ... r. Ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; s. ... t. <u>Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp;</u> u. ...</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. <u>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên có quyền biểu quyết/ được lấy ý kiến bằng văn bản tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u></p> <p>4. ...</p> <p>5. <u>Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 27 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung để làm rõ.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa công ty với người có liên quan 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong</p>	<p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch giữa công ty với người có liên quan 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 6 và điểm a khoản 7</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p><u>vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</u></p> <p>a. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>c. Doanh nghiệp <u>có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày</p>	<p>Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <p>a. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</p> <p>b. Cổ đông, người đại diện <u>theo</u> ủy quyền của cổ đông là <u>tổ chức</u> sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>c. Doanh nghiệp <u>mà Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>2. <u>Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ đông đó.</u></p> <p>3. <u>Hội đồng quản trị chấp thuận việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế mà giá trị của giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</u></p> <p><u>Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong</u></p>	<p>Điều 43 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 43 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 43 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	<p>thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	
<p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. ... b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d. ... đ. ...</p>	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. ... b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật <u>hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;</u> c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;</u> yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản <u>và có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Văn bản yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;</u> d. ... đ. ...</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p>	<p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. <u>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;</u></p> <p>b. <u>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;</u></p> <p>c. <u>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u> <u>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</u></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều 14 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản</p>	<p>Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ,</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Dự thảo</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. <u>Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u> Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p>	<p>quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p>	<p>Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát <u>hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u> b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d. <u>Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</u></p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>05</u> ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>...</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu</p>	<p>Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là <u>03</u> ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>...</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. ...</p> <p>b. ...</p> <p>c. ...</p> <p>d. ...</p> <p>đ. <u>Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.</u></p> <p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p><u>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u></p> <p>a. <u>Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u></p> <p>b. <u>Phát biểu với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ toạ cuộc họp.</u></p> <p><u>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</u></p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. ...</p> <p>b. ...</p> <p>c. ...</p> <p>d. ...</p> <p>12. <u>Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p>thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>13. <u>Hội đồng quản trị được quyền thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá bán) thành viên có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u></p> <p>14. <u>Nghị quyết của Hội đồng quản trị về giao dịch với người có liên quan được thông qua theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ công ty và Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 30 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nêu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nêu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và <u>đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Những người ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.</u></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 10 Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan</p>	<p>Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan</p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</p>
<p>Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành, Giám đốc Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.</p>	<p>Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành, Giám đốc Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, <u>quyết định</u> để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, <u>quyết định của Hội đồng quản trị</u>.</p> <p>1. <u>Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc và người quản lý khác của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó.</u></p> <p>2. <u>Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.</u></p> <p>3. <u>Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp khi thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh, Giám đốc phải tiếp tục thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.</u></p> <p>4. <u>Giám đốc phải gửi báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho Hội đồng quản trị theo quy định như sau:</u></p> <p>- Báo cáo quý: Hoàn tất và báo cáo Hội đồng quản trị tại phiên họp</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (<i>đã ban hành 12/5/2021</i>)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	<p><u>định kỳ hằng quý.</u></p> <p><u>- Báo cáo năm: Hoàn tất và báo cáo Hội đồng quản trị trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u></p> <p><u>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc và người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.</u></p>	
<p>Điều 22. Môi quan hệ với Ban Kiểm soát</p> <p>2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.</p>	<p>Điều 22. Môi quan hệ với Ban Kiểm soát</p> <p>2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo <u>Giám đốc cùng các bộ phận có liên quan phối hợp xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.</u></p> <p>3. <u>Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:</u></p> <p>a. <u>Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các Thành viên BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT;</u></p> <p>b. <u>Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;</u></p> <p>c. <u>Khi BKS đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;</u></p> <p>d. <u>Các nội dung khác cần ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>
<p>Điều 23. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO bao gồm 07 Chương 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2021.</p>	<p>Điều 23. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Quy chế này gồm 07 Chương 23 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021.</p>	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
	2. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ký. 3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định tại Điều lệ IDICO-SHP và các quy định hiện hành của pháp luật	

2. Ngoài các sửa đổi, bổ sung tại Mục 1 của Phụ lục này, Quy chế mới có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, diễn đạt và một số dẫn chiếu trong Quy chế để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Quy chế (không làm thay đổi ý nghĩa).

3. Sau khi điều chỉnh hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số điều khoản của Quy chế mới cũng được thay đổi tương ứng.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị.

TỜ TRÌNH

Về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”) được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021 (“Điều lệ”);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 12/5/2021 (“Quy chế BKS”);

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành; việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý, vận hành của Công ty,

Nhằm mục tiêu hoàn thiện Điều lệ và các quy chế của Công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông toàn văn dự thảo Quy chế BKS sửa đổi, bổ sung và các nội dung sửa đổi chính trong Quy chế BKS được nêu cụ thể tại “Phụ lục những nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát” đính kèm.

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Quy chế BKS của Công ty như sau:

1. Thông qua dự thảo Quy chế BKS sửa đổi, bổ sung của Công ty. Quy chế BKS sửa đổi, bổ sung này sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Quy chế BKS hiện hành.

2. Giao cho Trưởng Ban kiểm soát thực hiện các thủ tục cần thiết và ký ban hành Quy chế BKS sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định pháp luật.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.
TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.



Nguyễn Đăng Thanh





CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO**

Năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	2
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	8
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	8
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	9
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	9
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	9
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	10
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	10
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	11
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	11
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	11
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	12
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	12

Bình Phước, ngày 24 tháng 4 năm 2024

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“IDICO-SHP” hoặc “Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung lần 6 ngày 24/4/2024;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024,

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

3. Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều lệ Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể; các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định tại khoản 2 Điều 38 như sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát, việc đề cử, ứng cử thành viên vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo phương thức biểu quyết tại cuộc họp. Tỷ lệ biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác;

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và điểm b khoản 4 điều 14 Điều lệ công ty.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Thông báo triệu tập họp được gửi trước 05 ngày bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại.

a. Mỗi thành viên Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền dự họp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Ban kiểm soát có một (01) phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Ban kiểm soát không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

c. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Ban kiểm soát liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d. Thành viên Ban kiểm soát hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 9 Điều 43 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền làm chủ tọa cuộc họp trong trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Các cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản chi tiết và rõ ràng, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Thời gian, địa điểm họp;

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

d. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

2. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 Chương 22 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021.

2. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ký.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định tại Điều lệ IDICO-SHP và các quy định hiện hành của pháp luật.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

** Nơi nhận:*

- HĐQT;
- BKS;
- Ban Giám đốc;
- Phòng ban Công ty;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.



PHỤ LỤC
NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

1. Những nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (“**Quy chế**”) của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty” hoặc “IDICO-SHP”), gồm:

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan. 2. Mọi hoạt động của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát, đơn vị, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát phải tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan. 2. Đối tượng áp dụng: Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.	Đây là Quy chế hoạt động của BKS, đối tượng áp dụng là BKS và các thành viên BKS. Các đơn vị, cá nhân khác sẽ thực hiện nhiệm vụ theo mô tả công việc, theo hợp đồng lao động, theo chức năng - nhiệm vụ của phòng ban.
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.	Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định tại khoản 2 Điều 38 như sau: <u>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</u> <u>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</u> <u>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</u>	Bổ sung để làm rõ (quy định tại khoản 2 Điều 38 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung).
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. ...</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, <u>ứng cử thành viên</u> Ban kiểm soát, việc đề cử, <u>ứng cử thành viên</u> Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. ...</p> <p>b. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p> <p>Quy định tại khoản 1 Điều 36 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, <u>do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo phương thức biểu quyết tại cuộc họp. Tỷ lệ biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty.</u></p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>
<p>Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <p>c. <u>Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</u></p>	<p>Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p>	<p>=> xóa bỏ điểm này theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không</p>	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <p>14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không</p>	<p>Bổ sung để làm rõ.</p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH (đã ban hành 12/5/2021)	DỰ THẢO QUY CHẾ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	Lý do sửa đổi, bổ sung
<p>triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>25. ...</p>	<p>triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và điểm b khoản 4 điều 14 Điều lệ công ty.</p> <p><u>25. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p> <p>26. ...</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 39 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. ...</p> <p>d. Thành viên Ban kiểm soát hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 41 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. ...</p> <p>d. Thành viên Ban kiểm soát hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản <u>9 Điều 43</u> Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Cập nhật lại theo quy định tại điểm b khoản 9 Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung.</p>
<p>Điều 22. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO bao gồm 07 Chương 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2021.</p>	<p>Điều 22. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Quy chế này gồm 07 Chương 22 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024. Quy chế này thay thế cho Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021.</p> <p>2. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ký.</p> <p>3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định tại Điều lệ IDICO-SHP và các quy định hiện hành của pháp luật.</p>	

2. Ngoài các sửa đổi, bổ sung tại Mục 1 của Phụ lục này, Quy chế mới có sửa đổi chi tiết về cấu trúc câu, diễn đạt và một số dẫn chiếu trong Quy chế để đảm bảo tính thống nhất về hình thức và nội dung của Quy chế (không làm thay đổi ý nghĩa).

3. Sau khi điều chỉnh hoặc bổ sung thêm một số điều khoản thì thứ tự và trật tự một số điều khoản của Quy chế mới cũng được thay đổi tương ứng.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát.

Số: 15 /TTr-HĐQT

Bình Phước, ngày 03 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”) được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021 (“Điều lệ”);
- Căn cứ Đơn từ nhiệm ngày 27/3/2024 của Ông Nguyễn Thanh Hoài khởi chức danh thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028,

Để đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp về số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 tại Đại hội như sau:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 đối với:

- Ông Nguyễn Thanh Hoài - Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị.

Việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Thanh Hoài sẽ có hiệu lực kể từ ngày hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm này.

2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028:


- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 01 thành viên.

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 sẽ có hiệu lực kể từ ngày hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung này.

3. Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện tất cả các công việc và hành động cần thiết để làm phát sinh hiệu lực của việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị như nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Trân trọng.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.



Số: 16 /TTr-HĐQT

Bình Phước, ngày 03 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (“Công ty”) được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 18/01/2008 và sửa đổi bổ sung ngày 12/5/2021 (“Điều lệ”);
- Căn cứ Đơn từ nhiệm ngày 11/3/2024 của Ông Nguyễn Đăng Thanh khởi chức danh thành viên Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2023 - 2028,

Để đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp về số lượng thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 tại Đại hội như sau:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với:
 - Ông Nguyễn Đăng Thanh Chức danh: Thành viên Ban kiểm soát.Việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Đăng Thanh sẽ có hiệu lực kể từ ngày hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm này.
2. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028:
 - Số lượng thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung: 01 thành viên.Việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 sẽ có hiệu lực kể từ ngày hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung này.
3. Giao cho Ban kiểm soát thực hiện tất cả các công việc và hành động cần thiết để làm phát sinh hiệu lực của việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát như nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Trân trọng.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: Hồ sơ, VPTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Thịnh